

1

Bài giảng 21.

Thu và chi ngân sách địa phương

Đỗ Thiên Anh Tuấn

Trường Chính sách công và Quản lý Fulbright (FSPPM)

Đại học Fulbright Việt Nam (FUV)

Nội dung

- ▶ Cấu trúc ngân sách của địa phương
 - ▶ Bức tranh chung về ngân sách địa phương
 - ▶ Tình huống Tây Ninh và các tỉnh Vùng KTTĐPN
 - ▶ Tình huống Hà Giang và các tỉnh miền núi phía Bắc
- ▶ Phân cấp lại ngân sách ở địa phương
- ▶ Tiềm năng thuế bất động sản ở địa phương

Cấu trúc thu – chi ngân sách của địa phương

	Thu ngân sách	Chi ngân sách
I	Thu trung ương hưởng 100%	Chi thường xuyên
II	Thu địa phương hưởng 100%	Chi đầu tư phát triển
III	Thu phân chia giữa trung ương và địa phương	Chi trả nợ
IV	Thu khác	Chi khác

Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%

- ▶ Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
- ▶ Thuế môn bài;
- ▶ Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- ▶ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- ▶ Tiền sử dụng đất, trừ thu tiền sử dụng đất tại điểm k khoản 1 Điều 35 của Luật này;
- ▶ Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước;
- ▶ Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;
- ▶ Lệ phí trước bạ;
- ▶ Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% (tt)

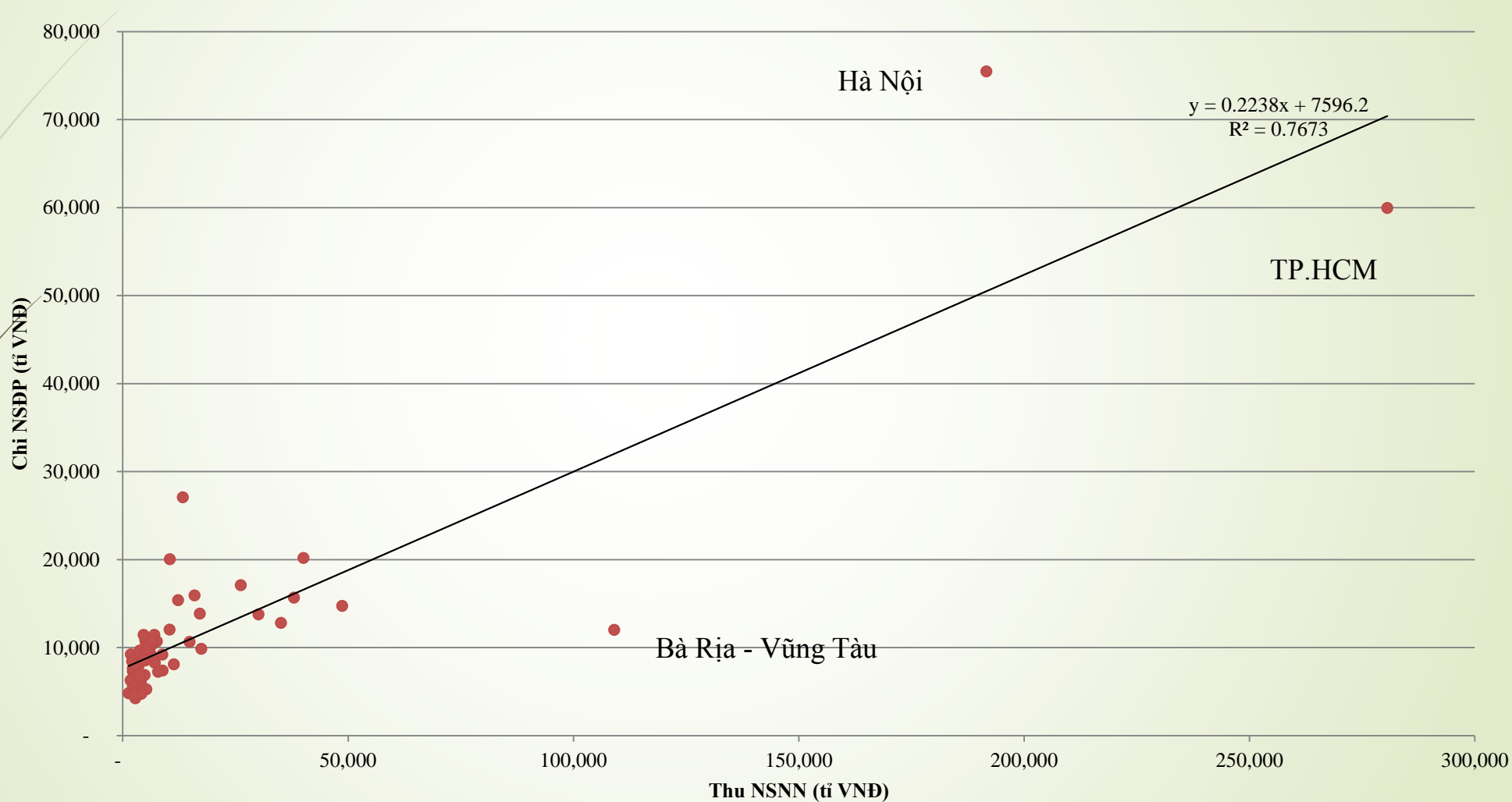
- Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế
- Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;
- Thu từ bán tài sản nhà nước;
- Viện trợ không hoàn lại ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương;
- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện;
- Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu;
- Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính;
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý;
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;
- Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
- Thu kết dư ngân sách địa phương;
- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Các khoản thu khác

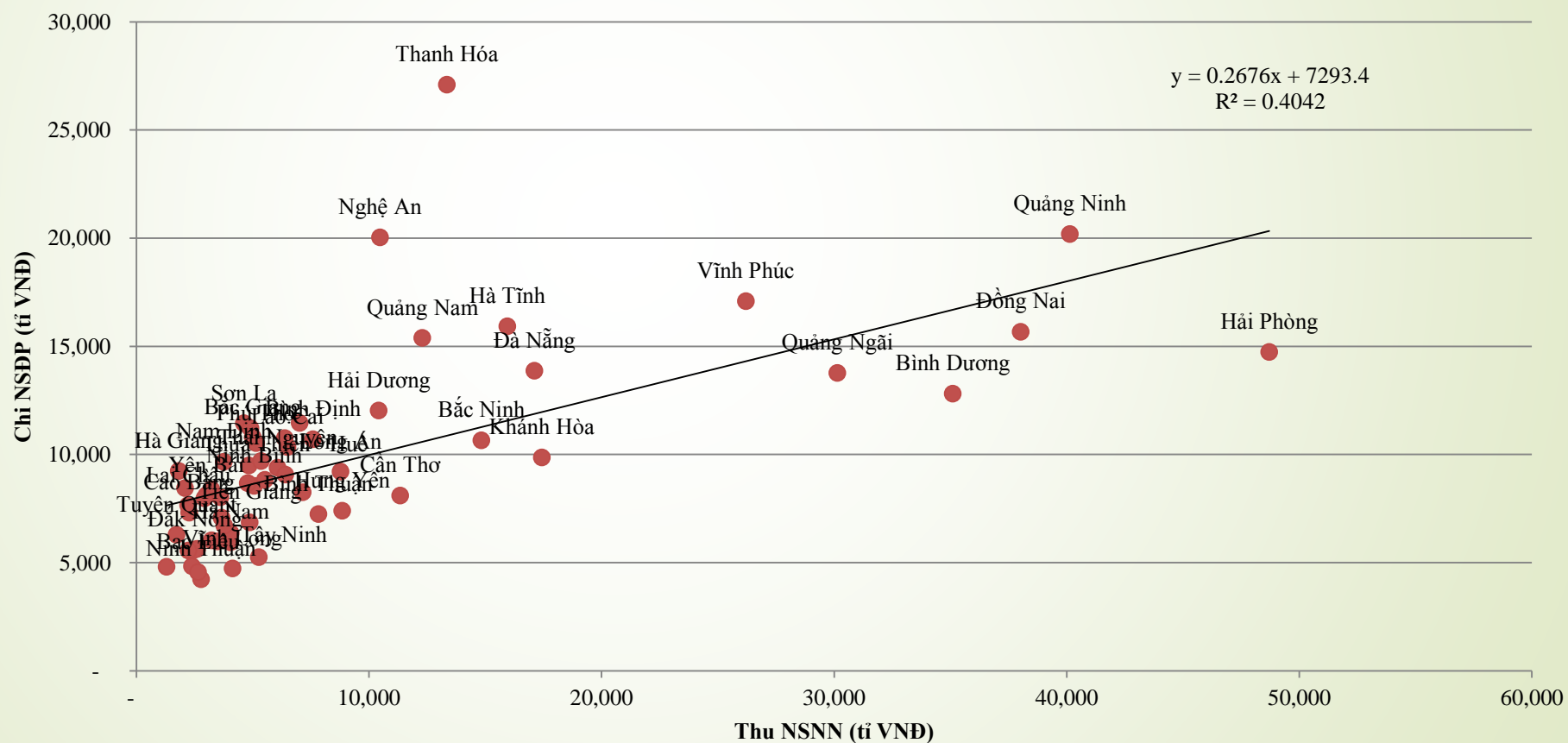
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.
- Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.
- Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang.

Bức tranh ngân sách của các địa phương

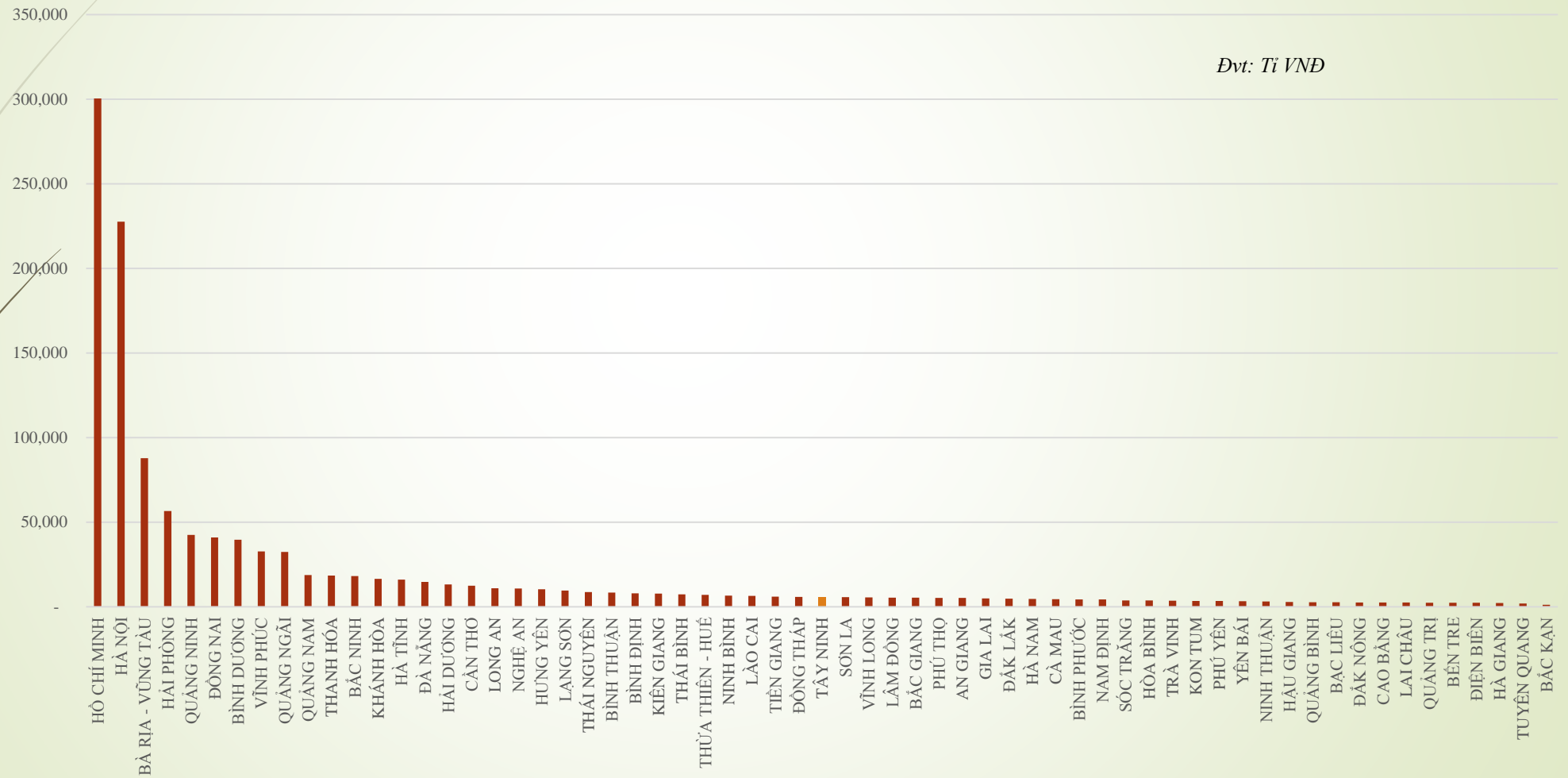
Bức tranh ngân sách các địa phương 2015



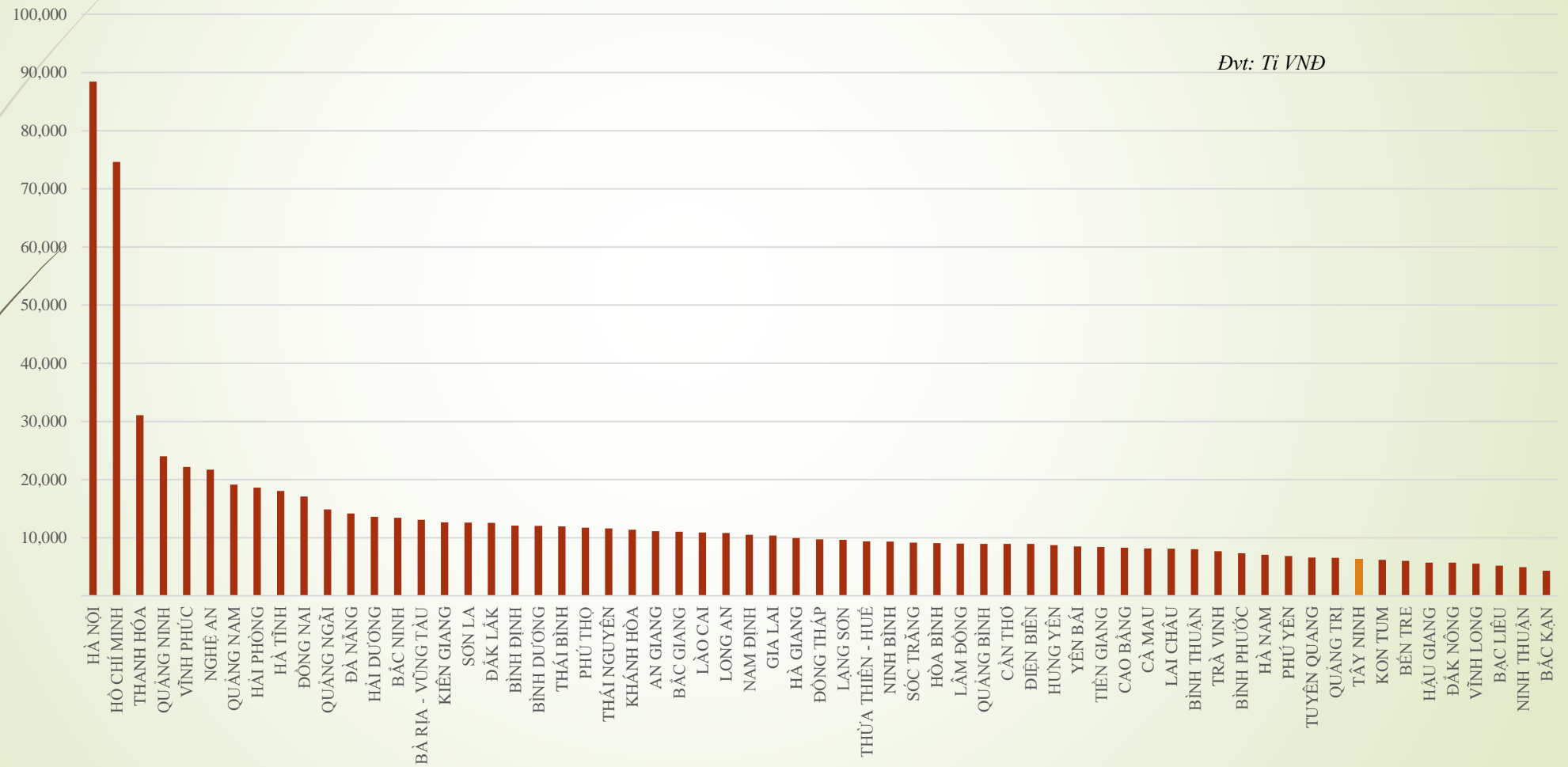
Bức tranh ngân sách các địa phương 2015 (tt)



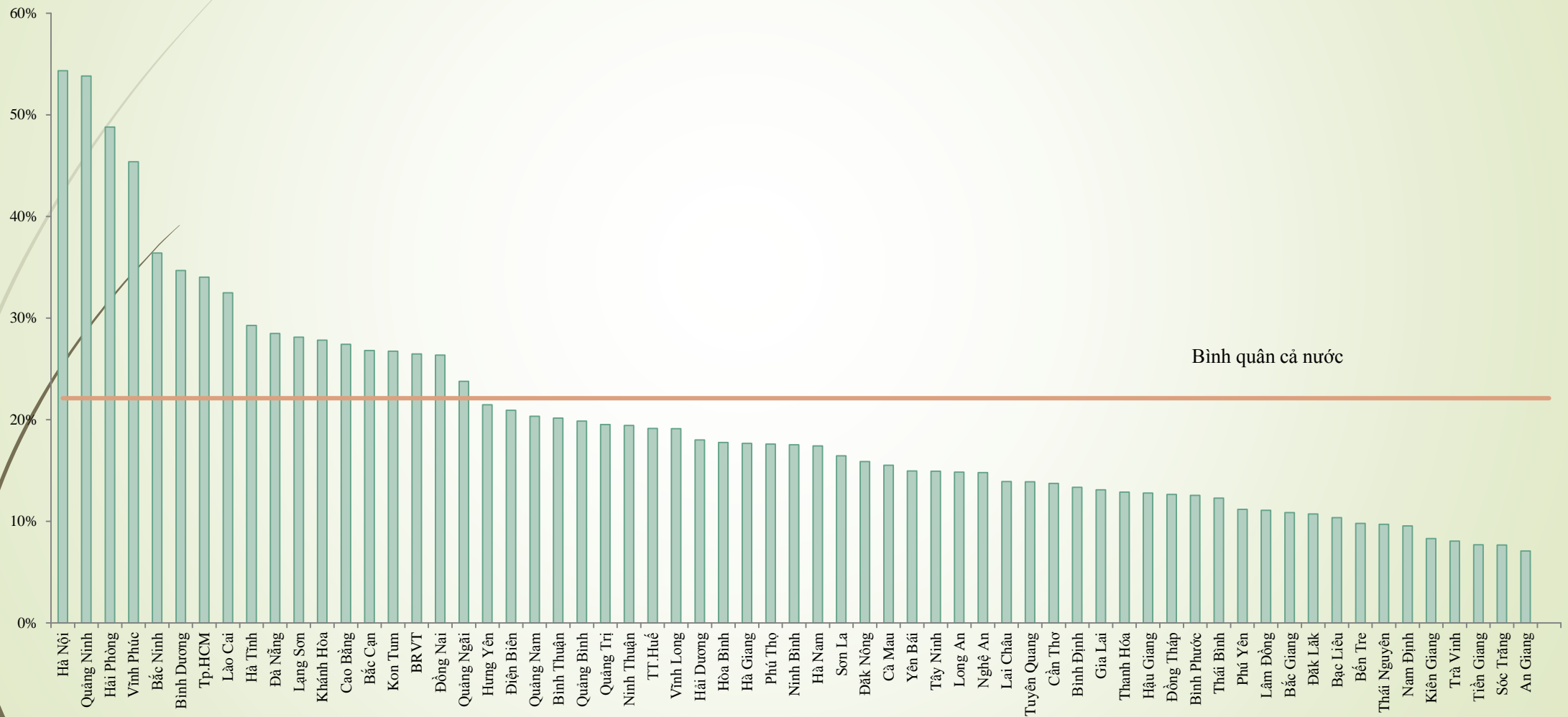
Thu NSNN (2015)



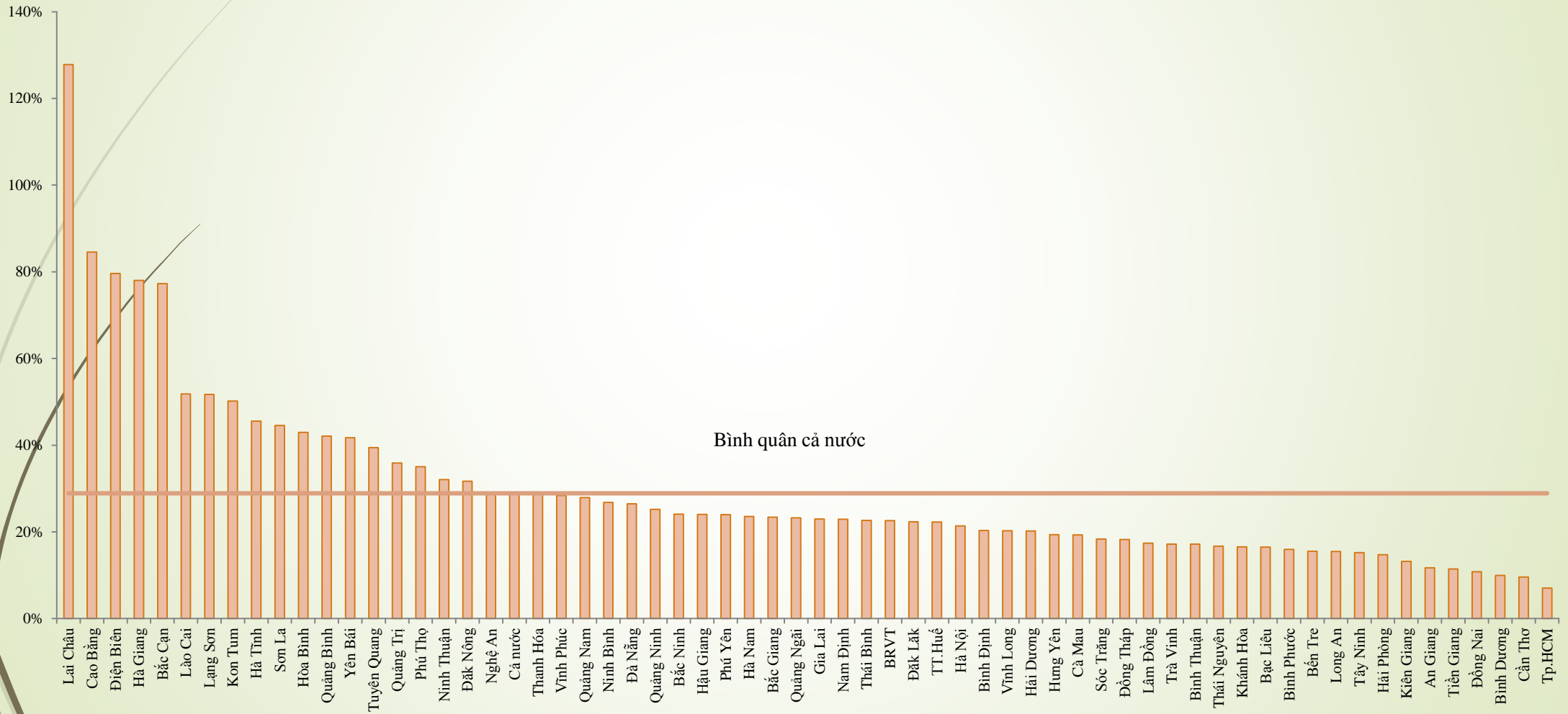
Chi NSĐP (2015)



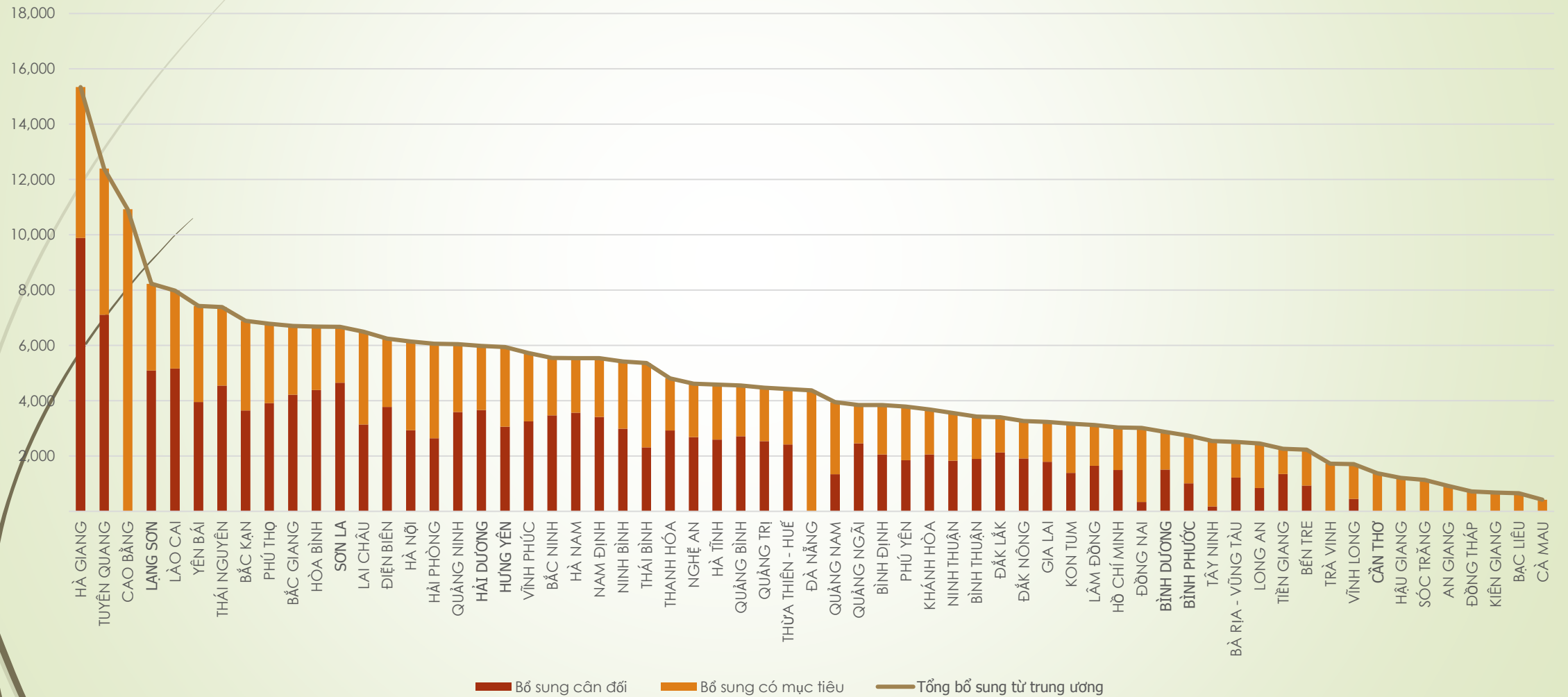
Thu NSNN so với thu nhập 2015



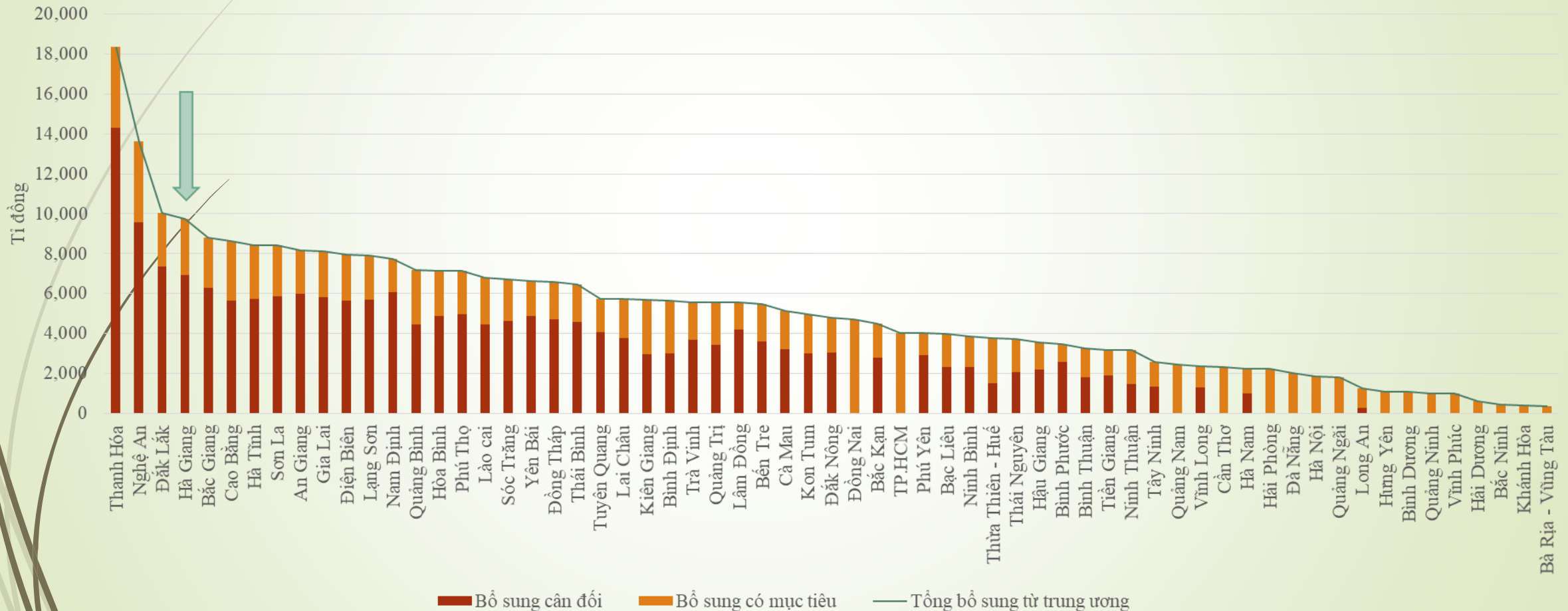
Chi NSĐP so với thu nhập 2015



Trung ương bổ sung cho các địa phương như thế nào? (2015)

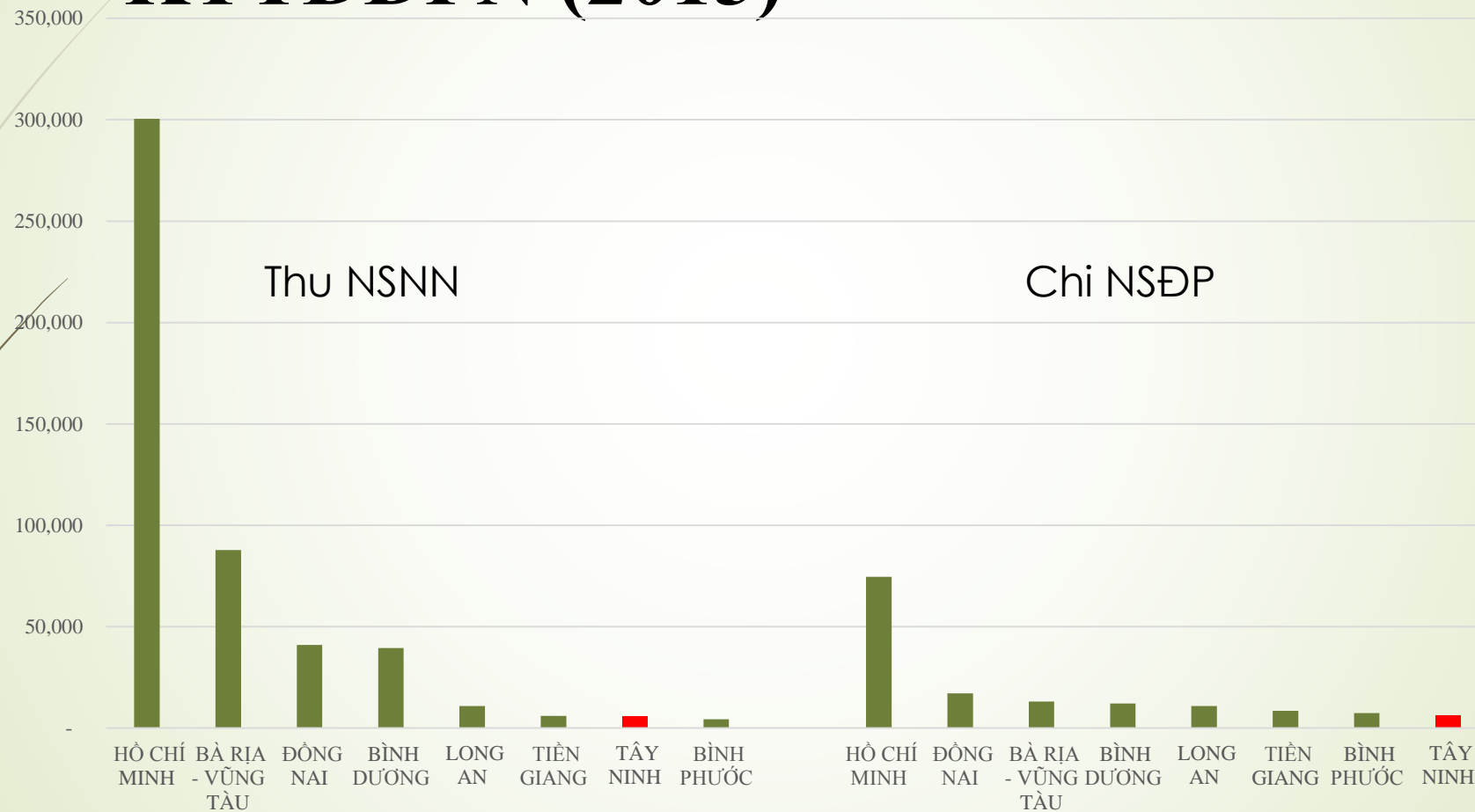


Bổ sung của trung ương cho các địa phương năm 2018 (tỉ VNĐ)

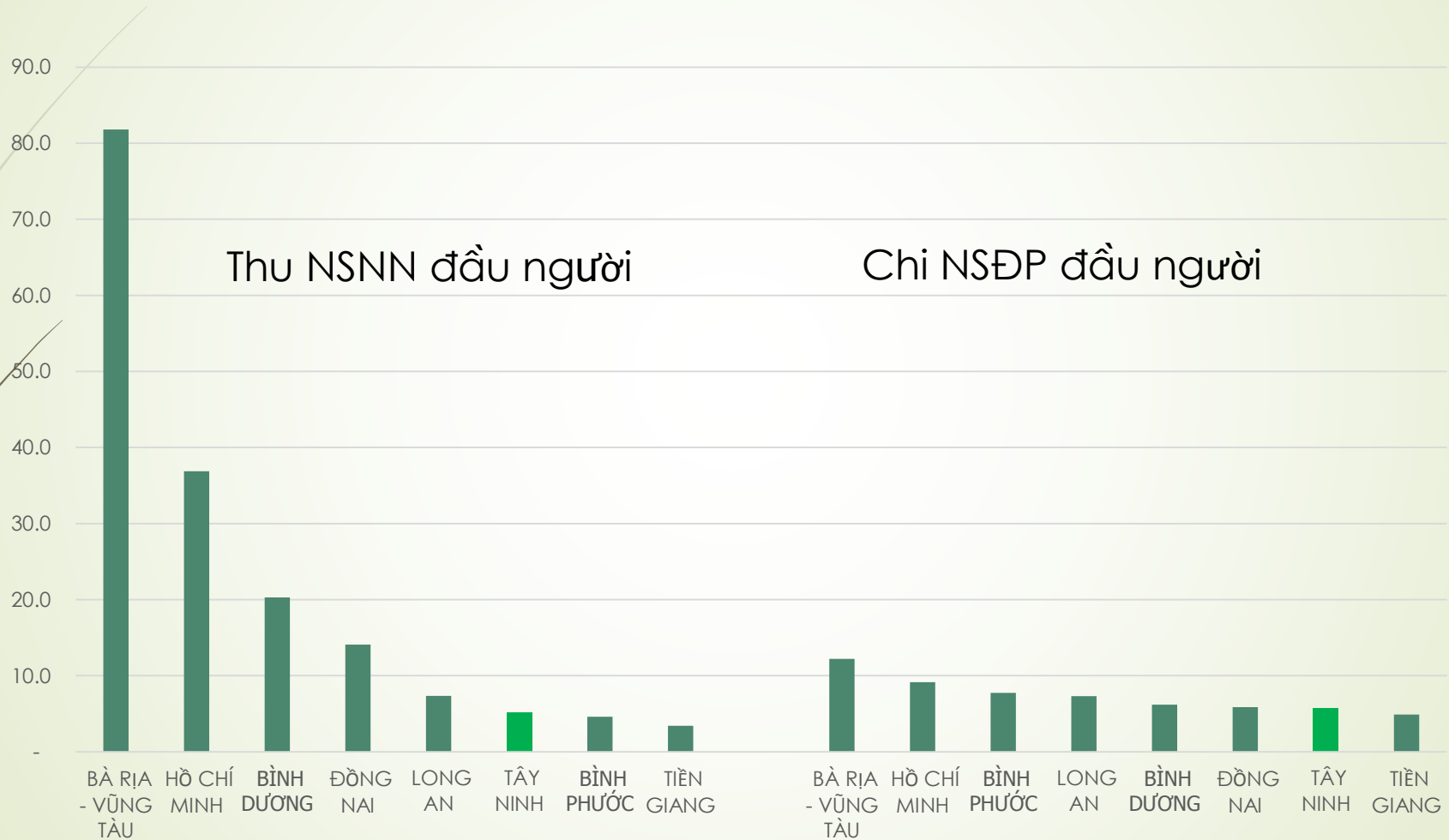


Tình huống Tây Ninh và các tỉnh Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam

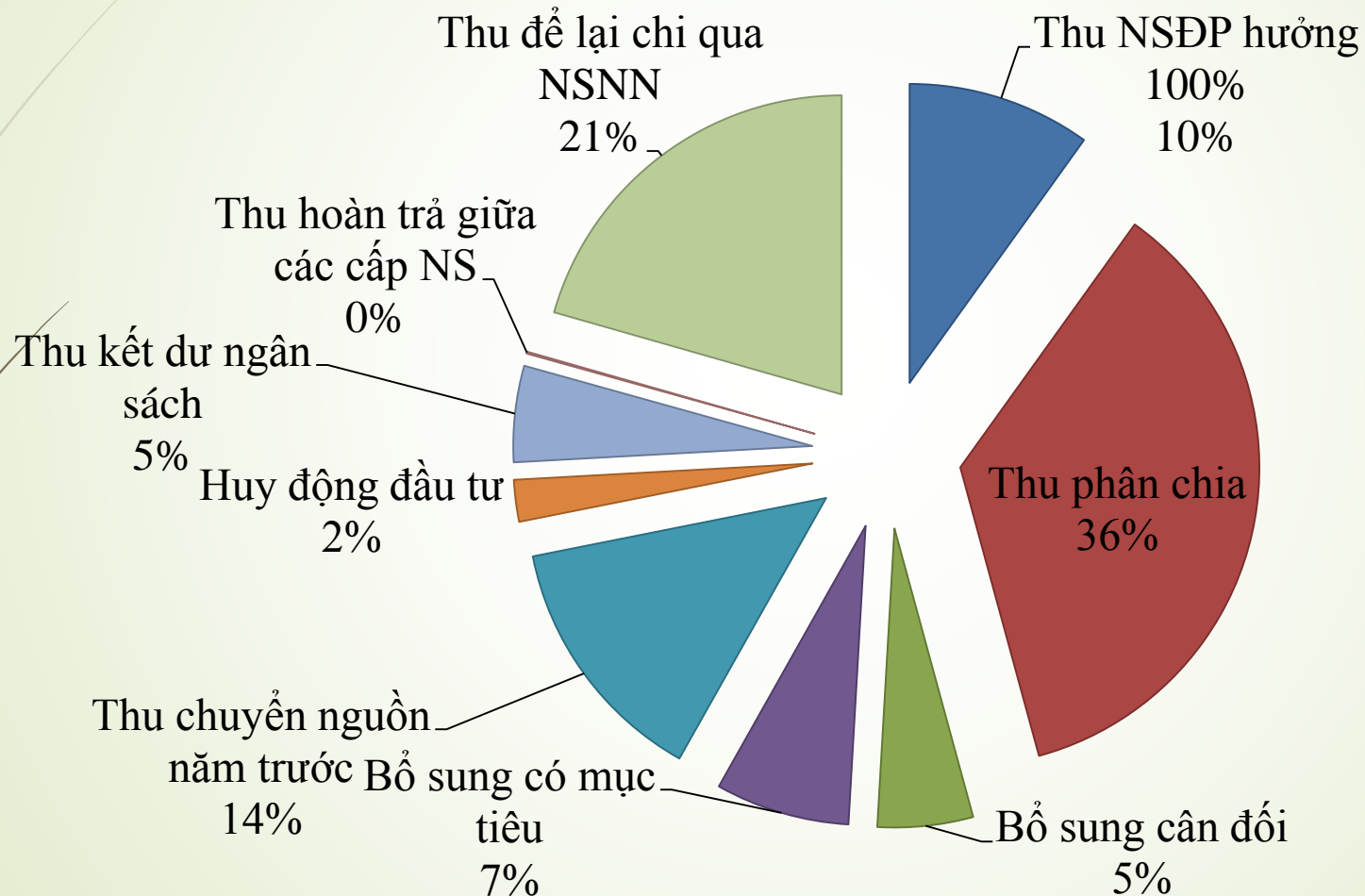
Bức tranh ngân sách các địa phương Vùng KTTĐĐPN (2015)



Bức tranh ngân sách Vùng KTTĐPN (2015)

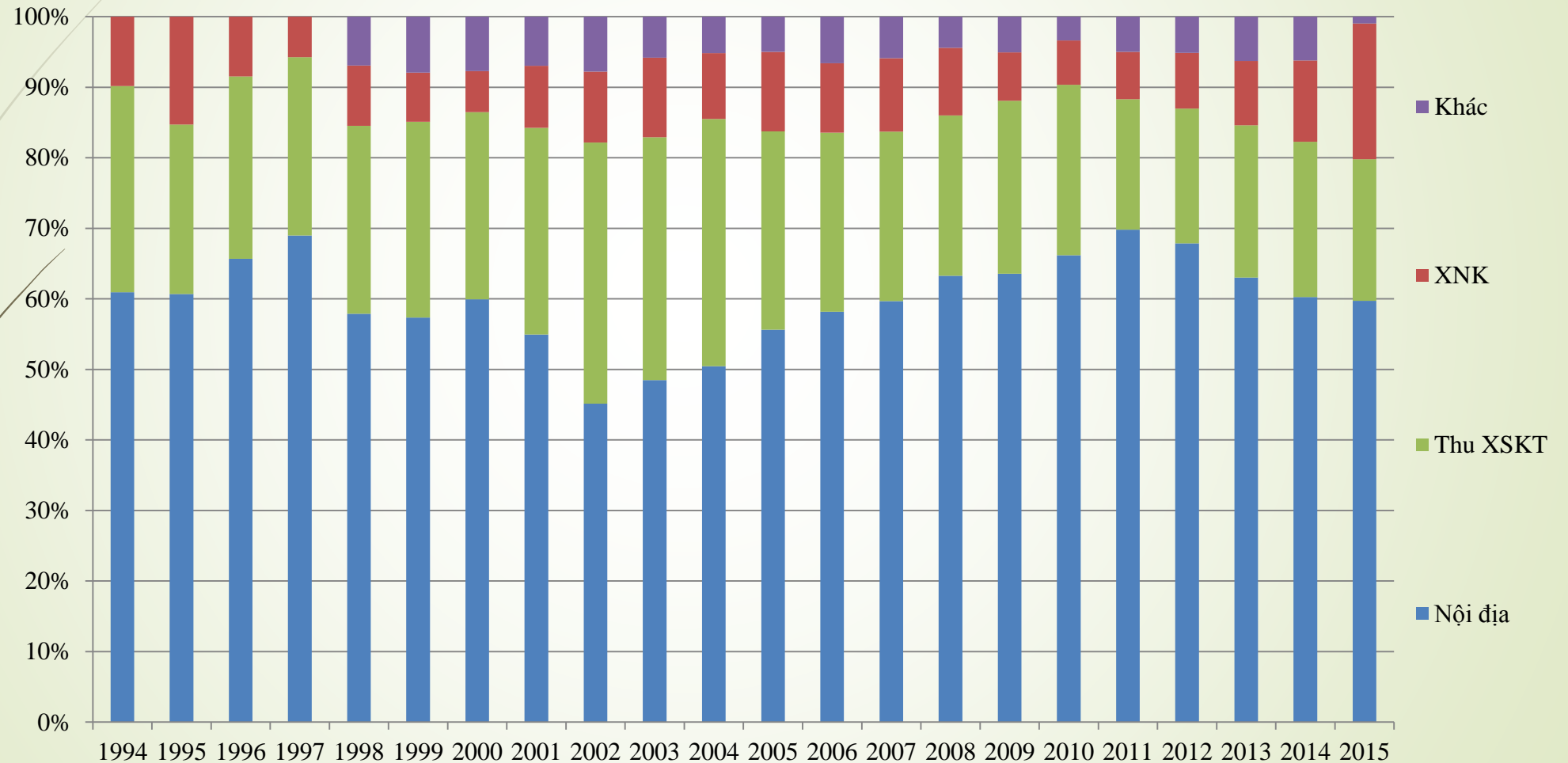


Cơ cấu thu NSDP của Tây Ninh

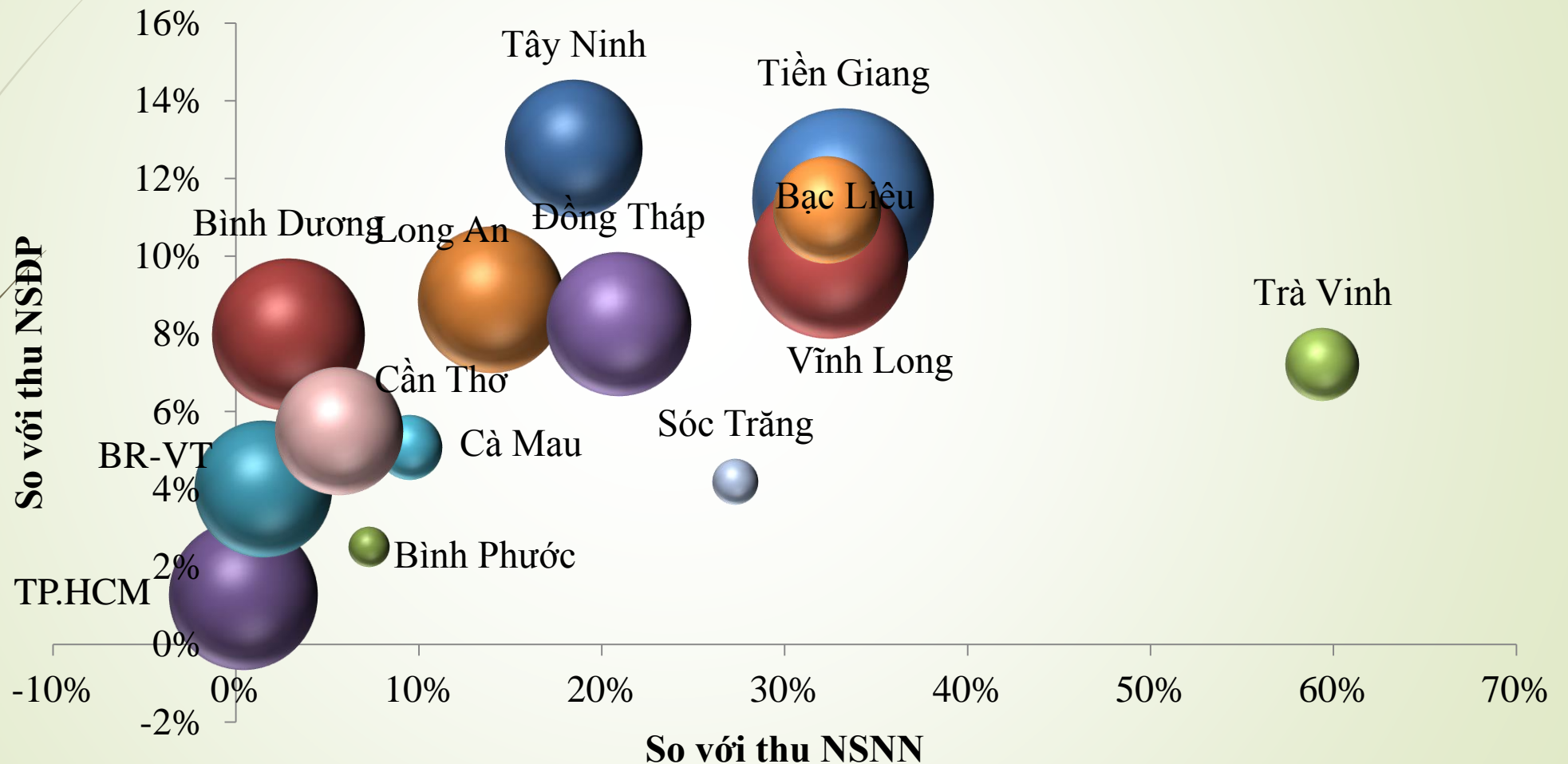


Đvt: Tỷ VNĐ

Vai trò của ngành xổ số ở Tây Ninh



Thu xổ số kiến thiết của một số tỉnh



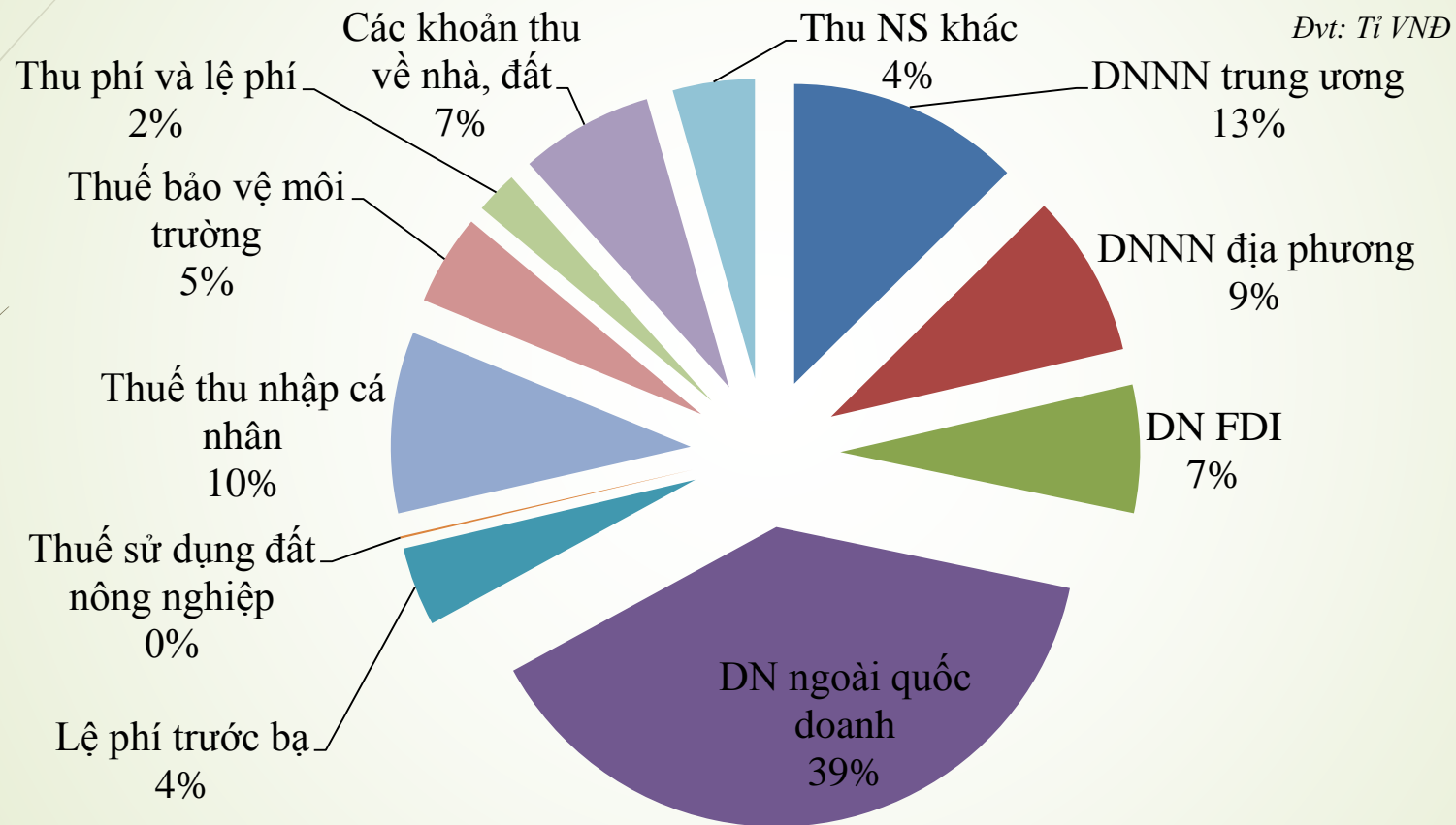
So sánh nguồn thu Xổ số của một số địa phương (2015)

Tỉnh	XSKT (tỷ VND)	So với thu NSNN	So với thu NSDP
Tây Ninh	1,256	20.1%	15.1%
An Giang	1,177	21.2%	11.6%
Tiền Giang	1,167	20.9%	11.6%
Kiên Giang*	1,000	10.4%	6.4%
Đồng Nai*	1,000	2.1%	5.7%
Bình Dương	950	2.6%	5.3%
BR-VT	915	4.3%	4.9%
Vĩnh Long*	850	10.9%	7.4%
Cần Thơ*	780	7.9%	9.3%
Sóc Trăng	730	39.1%	7.1%
Bạc Liêu*	700	36.3%	16.1%
Trà Vinh	698	16.2%	7.9%
Hậu Giang	656	9.8%	9.9%
Đồng Tháp*	600	18.9%	9.4%
Cà Mau*	520	15.8%	7.8%
Bình Phước	271	7.0%	3.3%

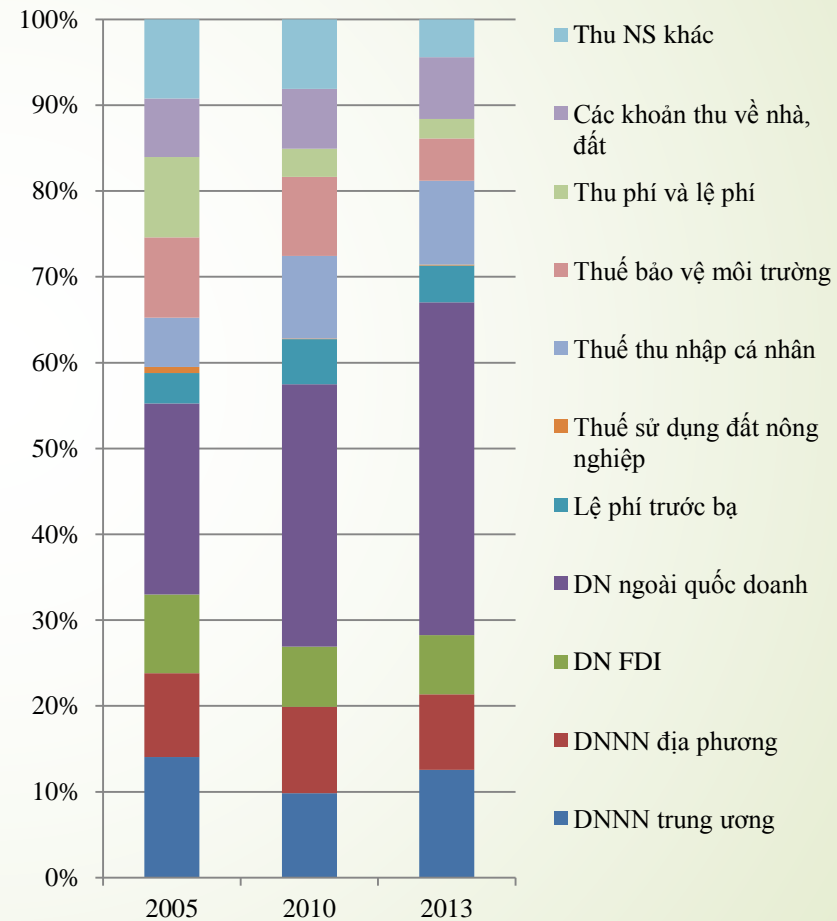
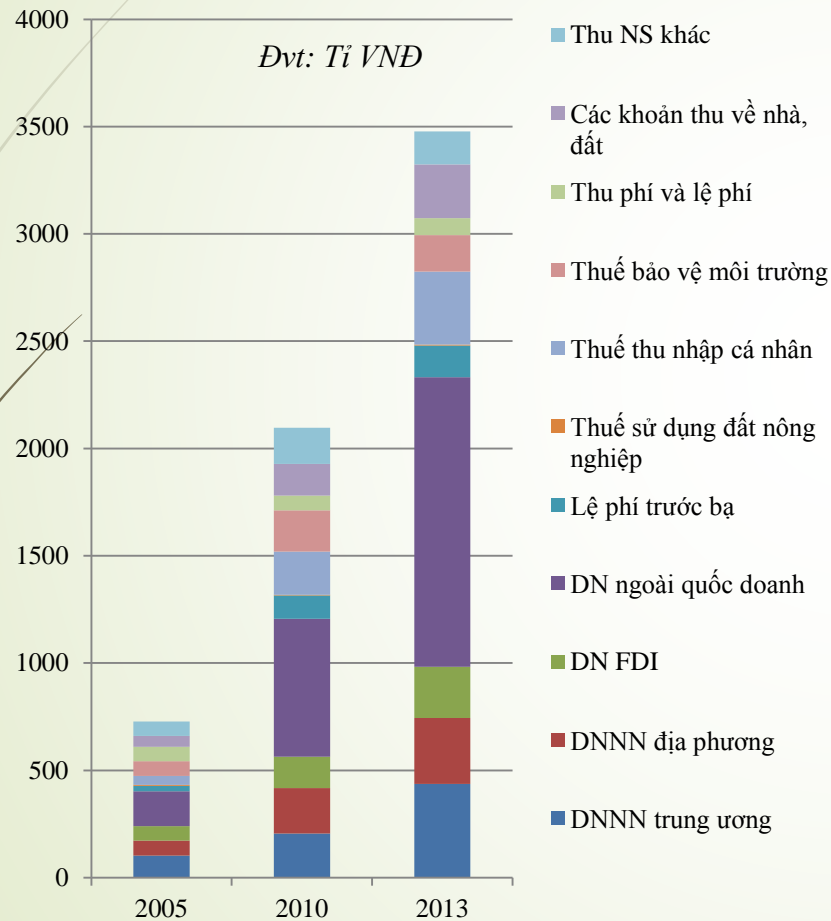
Ghi chú: * Số liệu DT 2015 do QT 2015 của các địa phương này không có số liệu chi tiết về thu XSKT

Cơ cấu thu NSNN của Tây Ninh theo khu vực

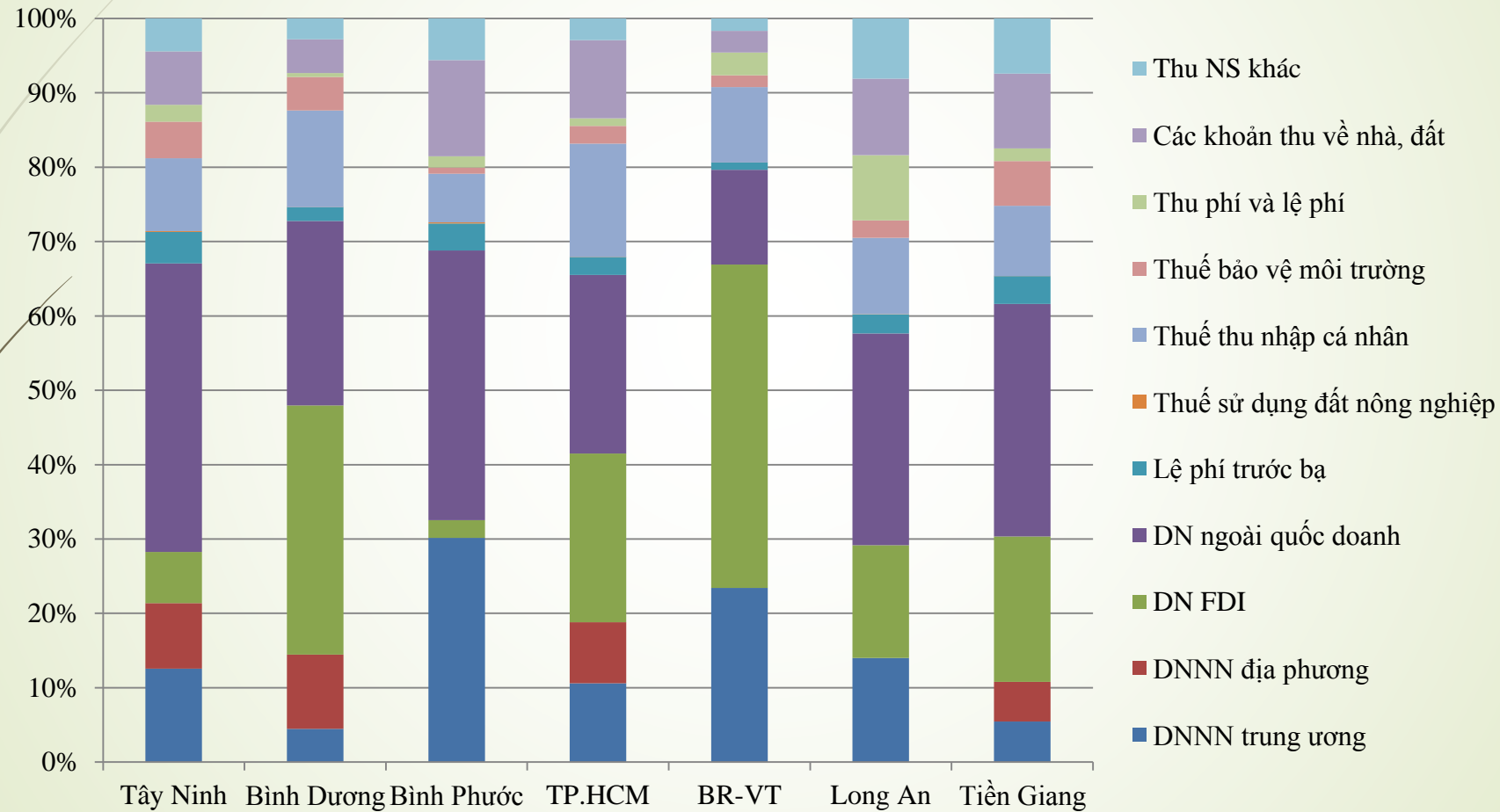
23



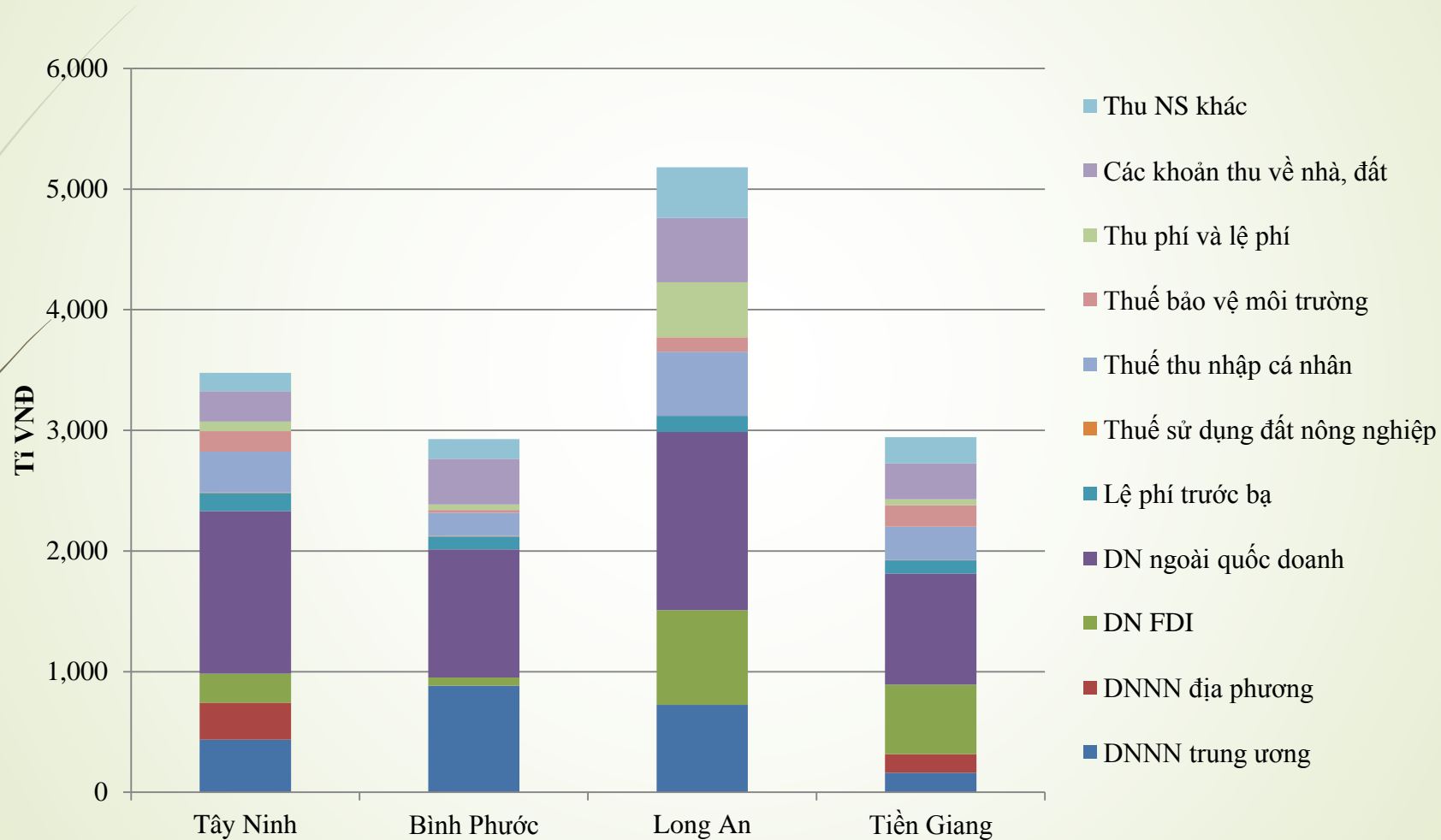
Cơ cấu thu ngân sách Tây Ninh theo khu vực



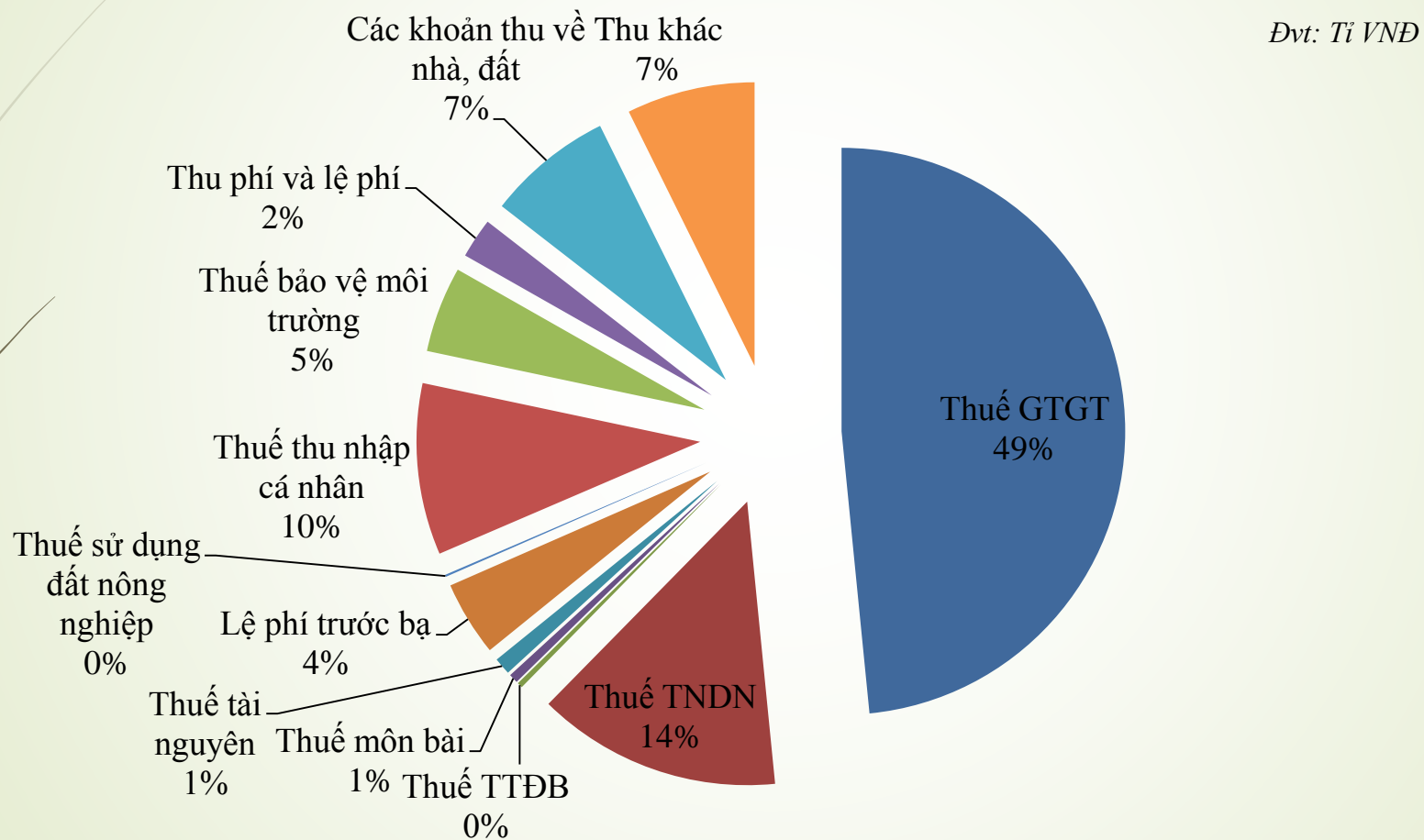
So sánh Tây Ninh với các địa phương khác



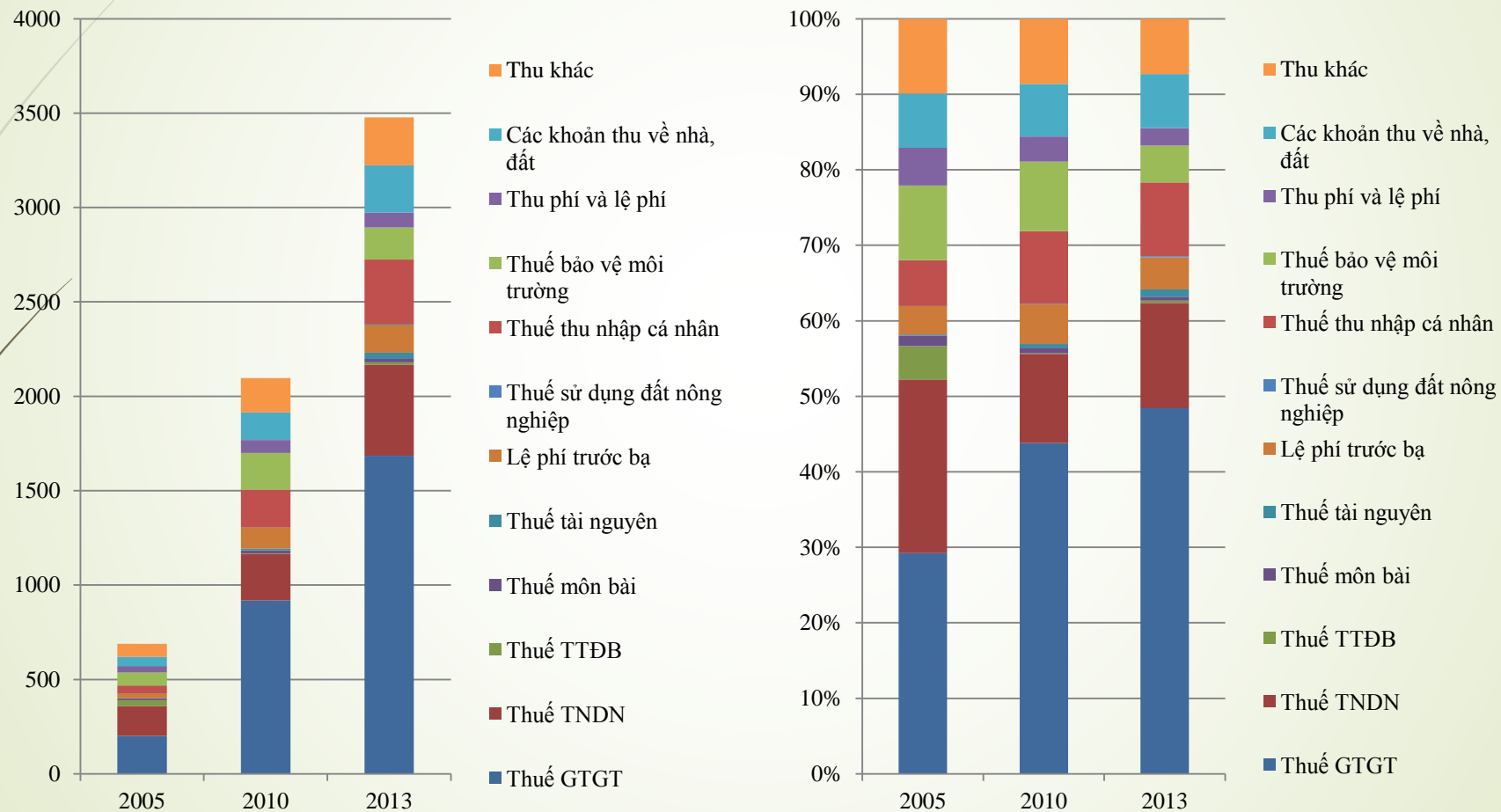
4 tỉnh phụ cận của Vùng KTTĐPN



Cơ cấu thu ngân sách Tây Ninh theo sắc thuế



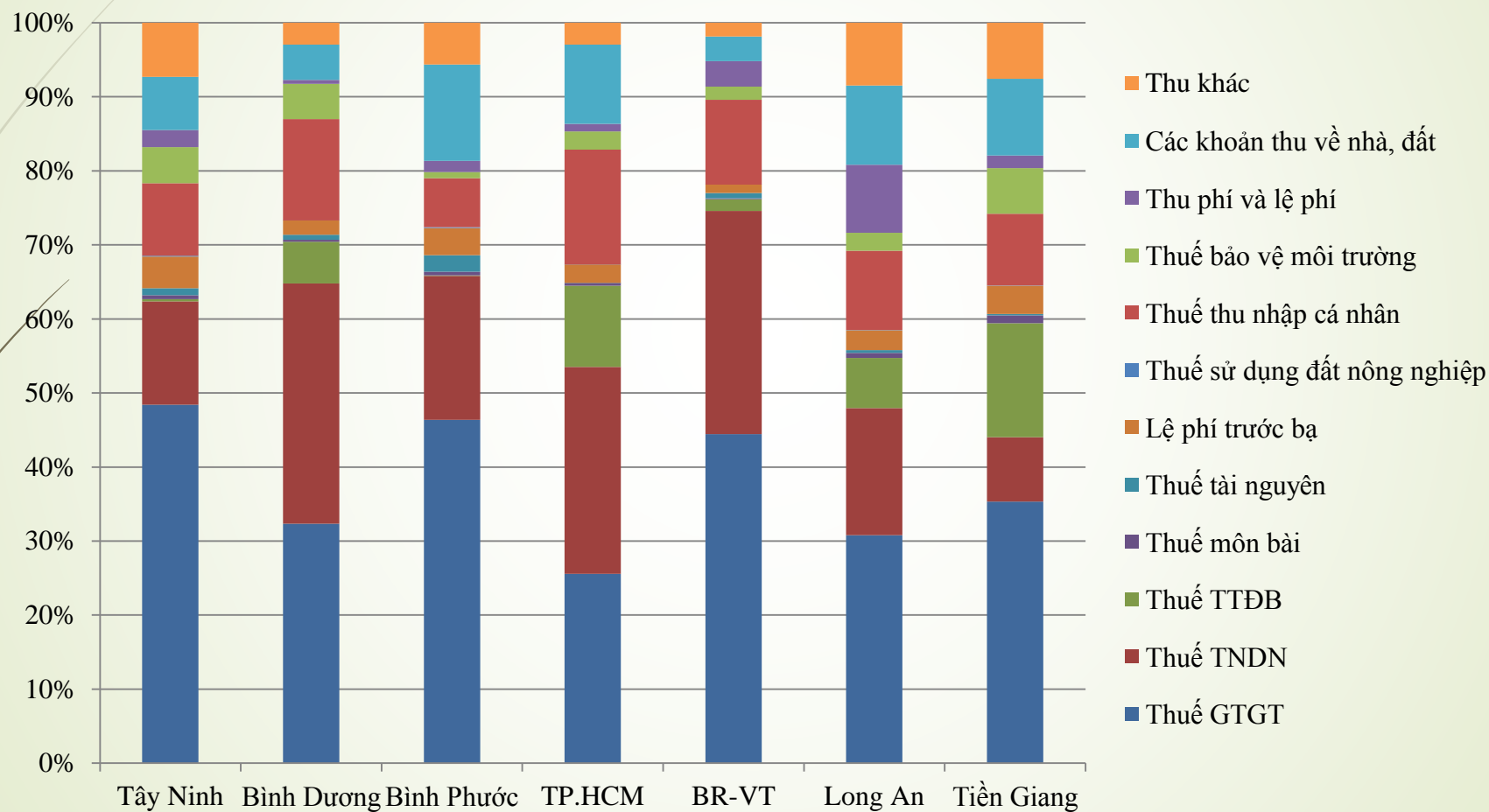
Cơ cấu thu ngân sách TN theo sắc thuế 2005-2013



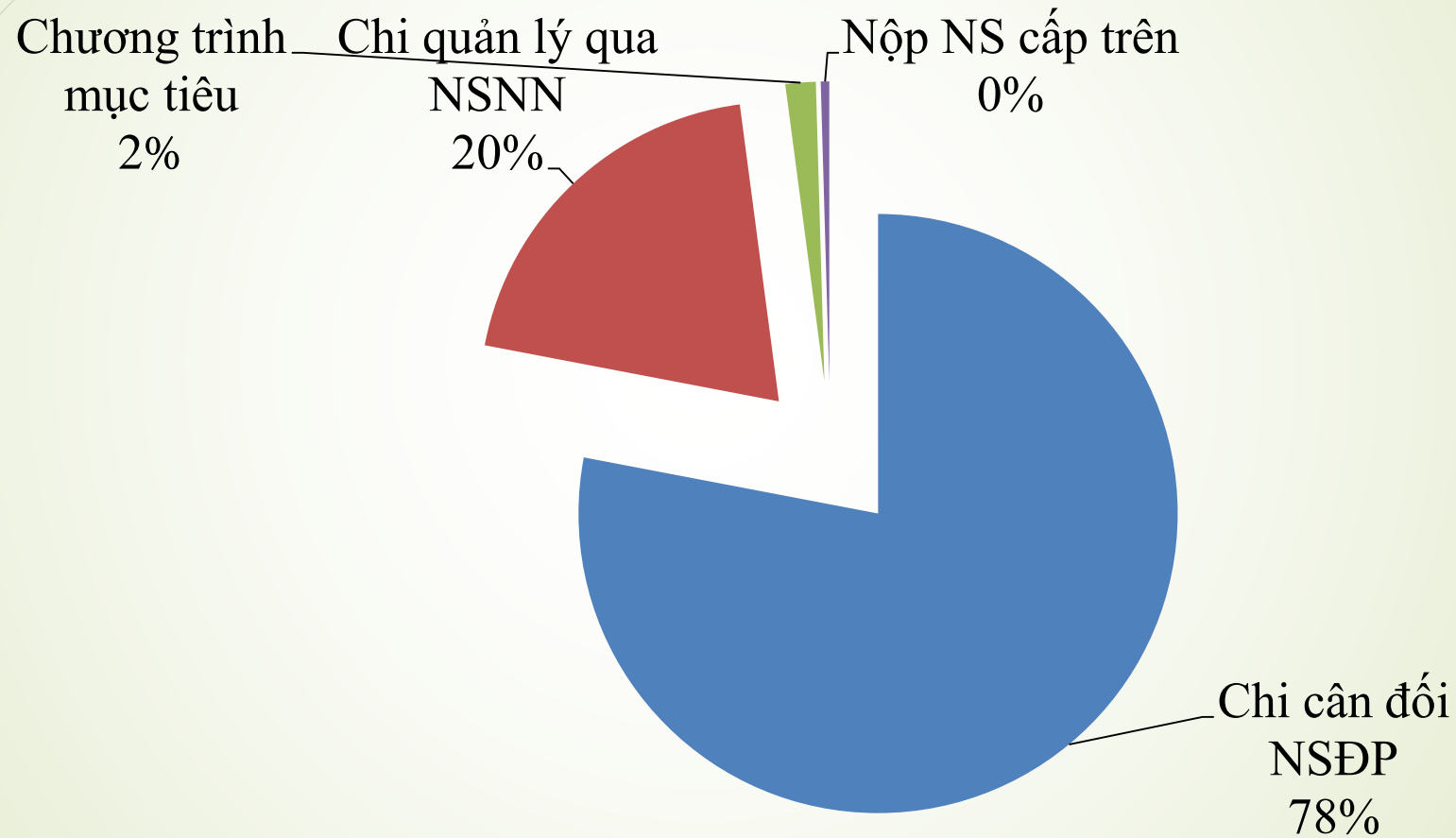
Đơn vị: Tỷ VNĐ

So với các địa phương trong Vùng

29

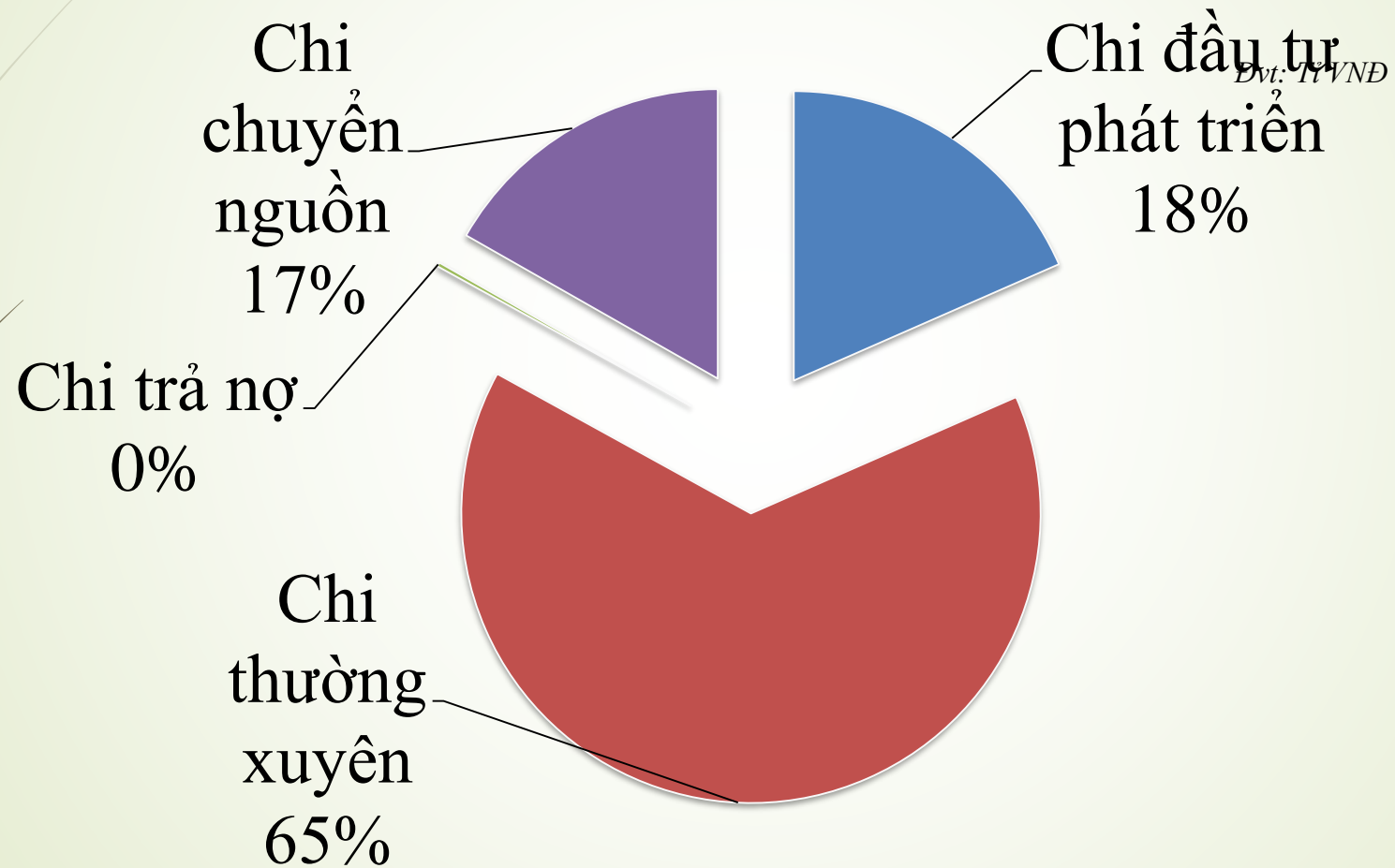


Cơ cấu chi ngân sách địa phương Tây Ninh

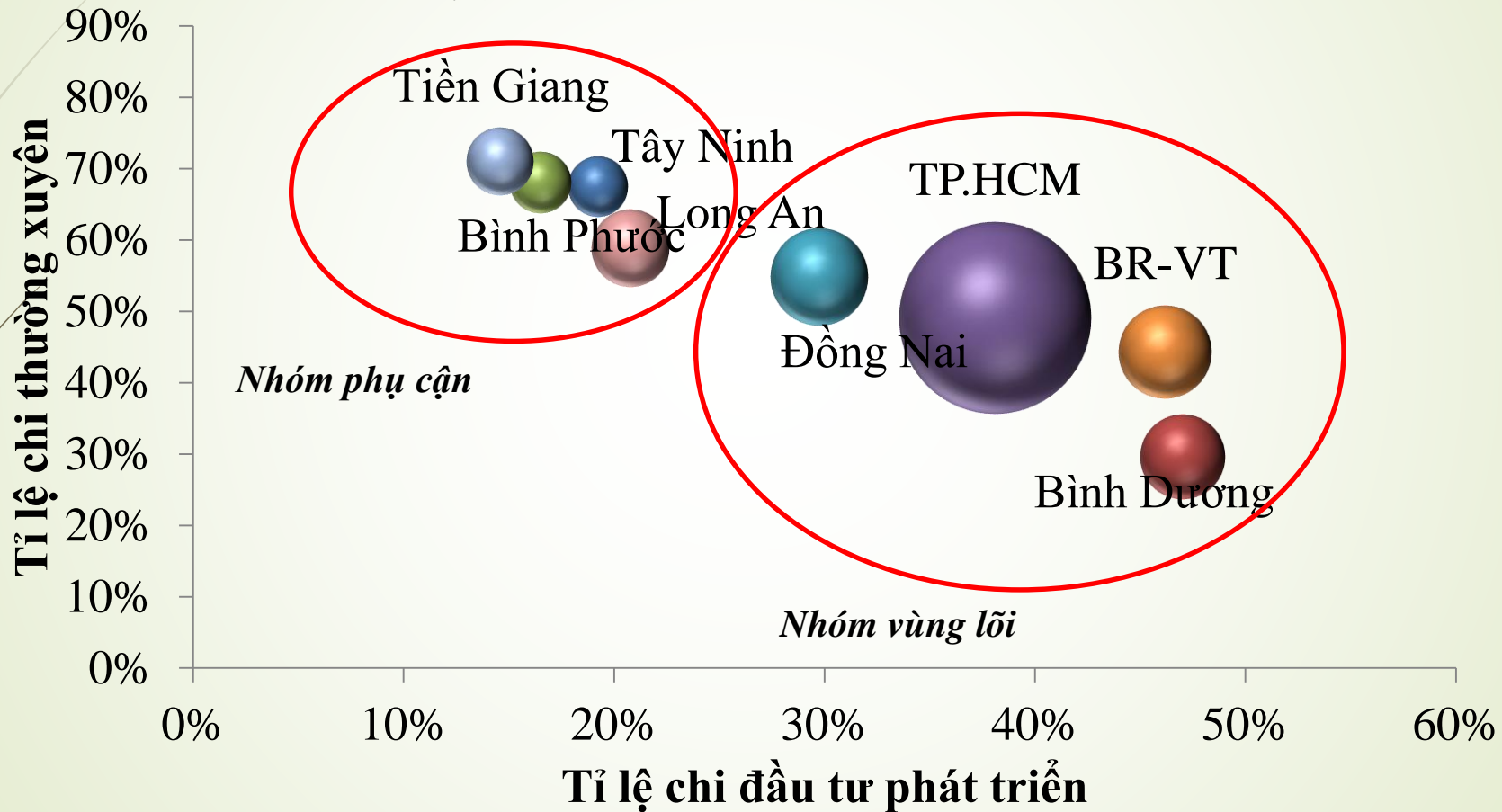


Đơn vị: Tỷ VND

Cơ cấu chi cân đối NSDP Tây Ninh



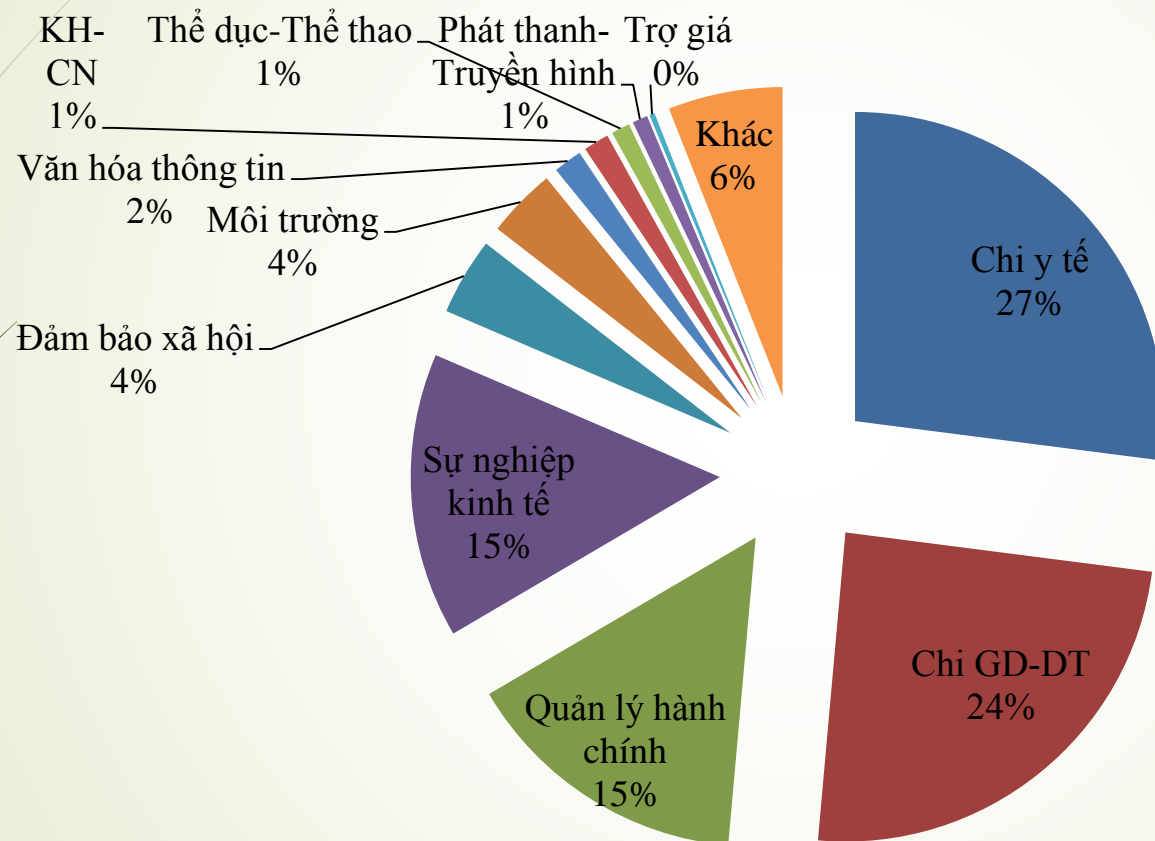
Chi cho đầu tư phát triển của các tỉnh Vùng KTTĐPN?



Ghi chú: Diện tích các hình là tổng chi cân đối NSDP

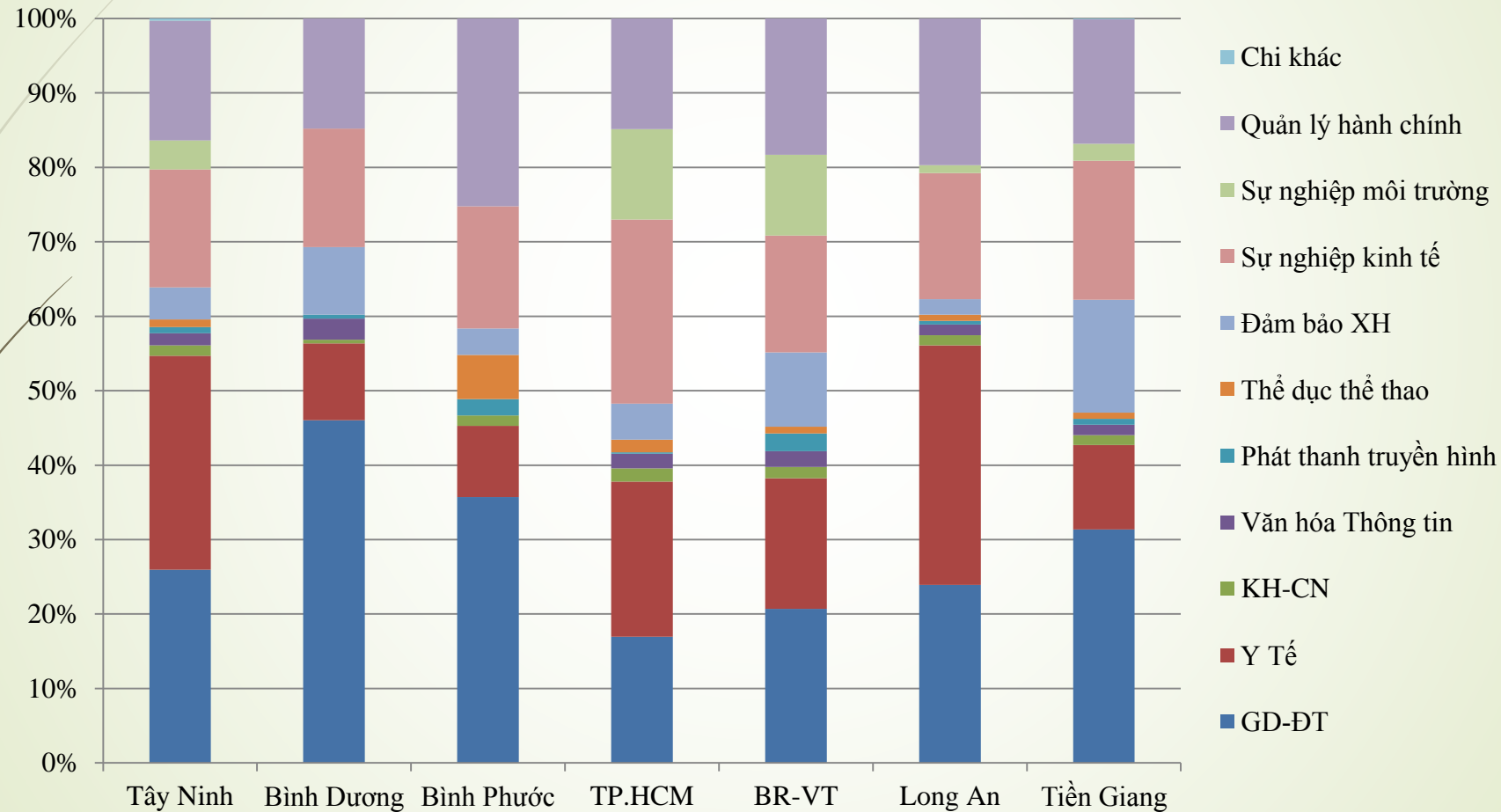
Cơ cấu chi thường xuyên

33

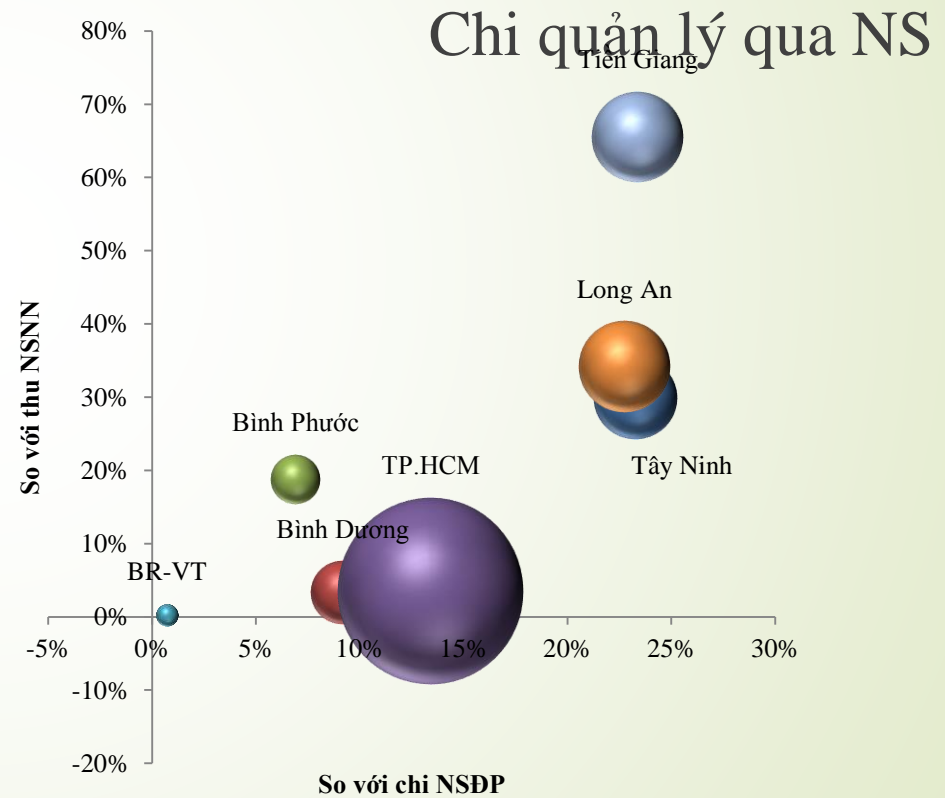
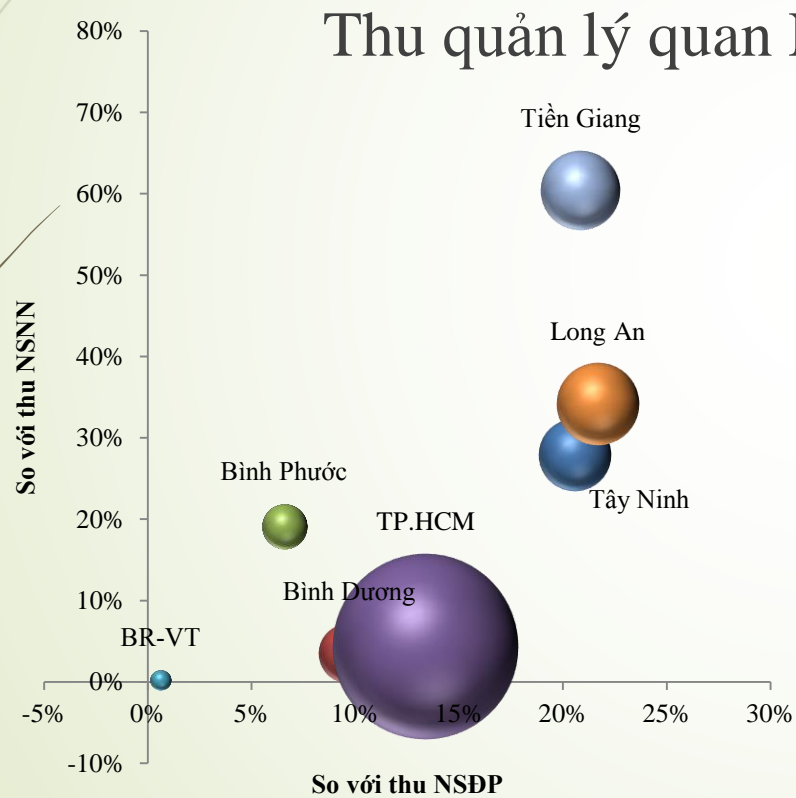


Đvt: Tỷ VNĐ

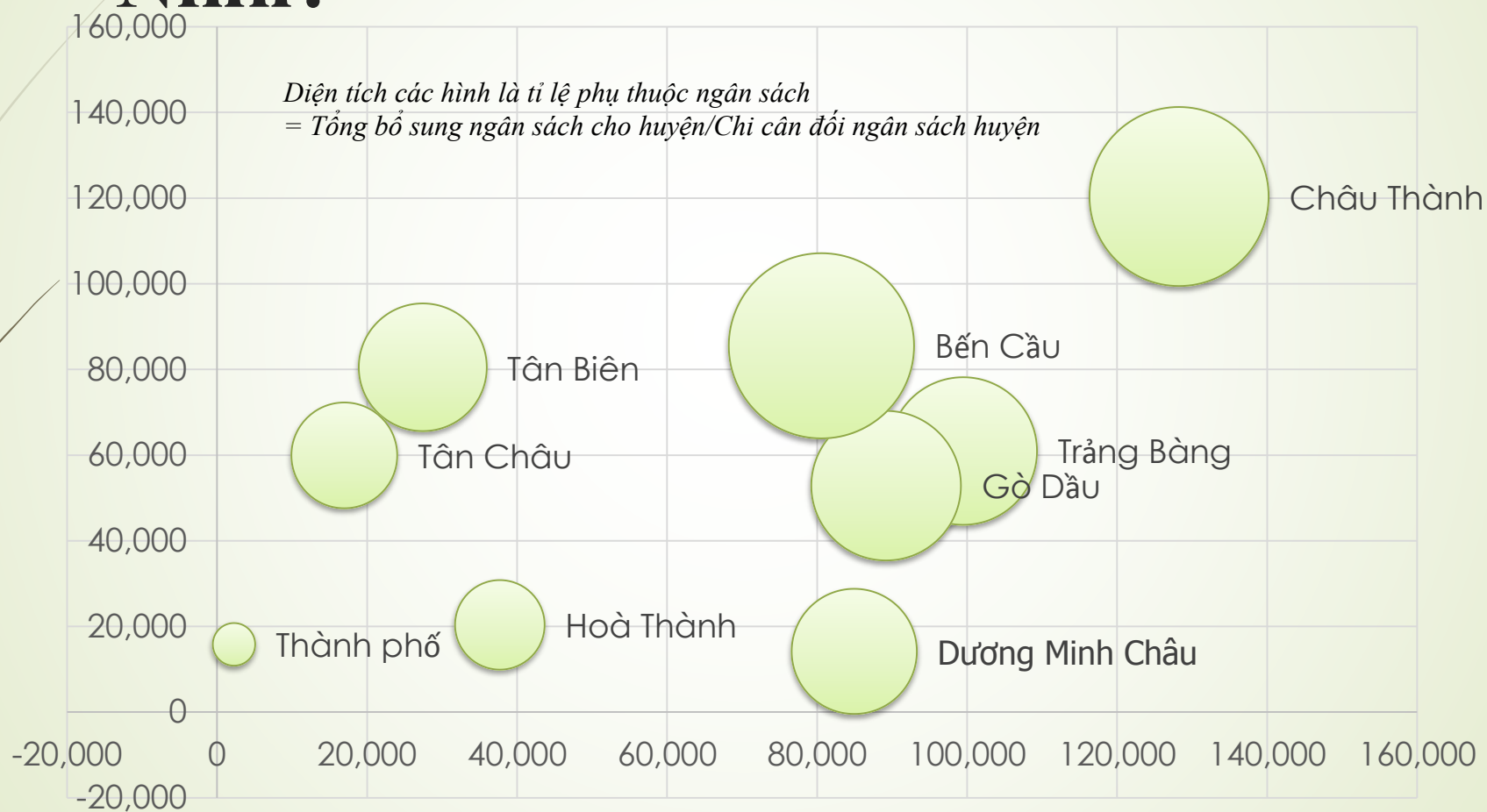
So sánh chi thường xuyên giữa các địa phương trong Vùng



Thu – Chi quản lý qua NS

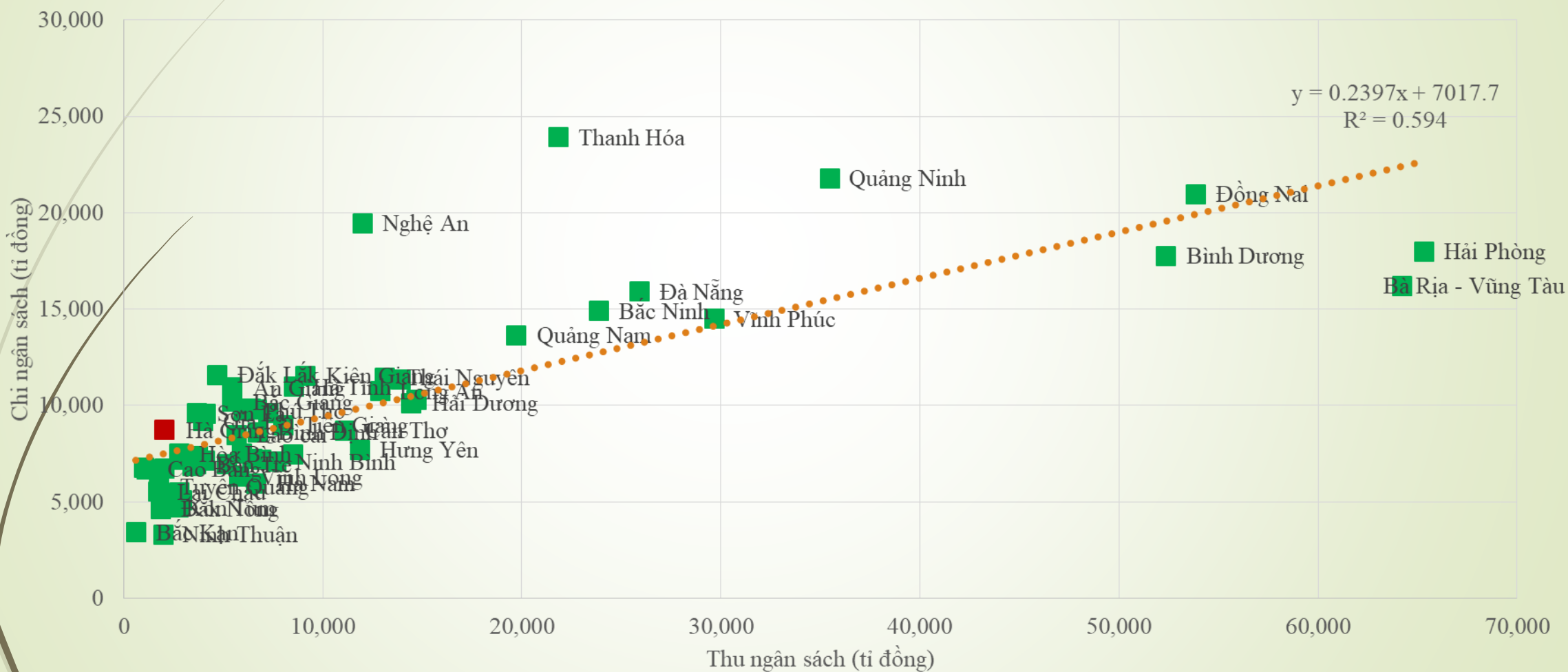


Huyện nào phụ thuộc ngân sách nhất ở Tây Ninh?

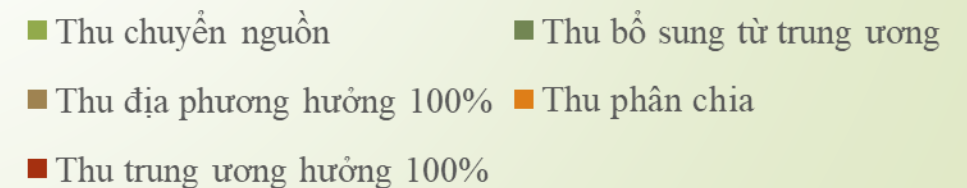
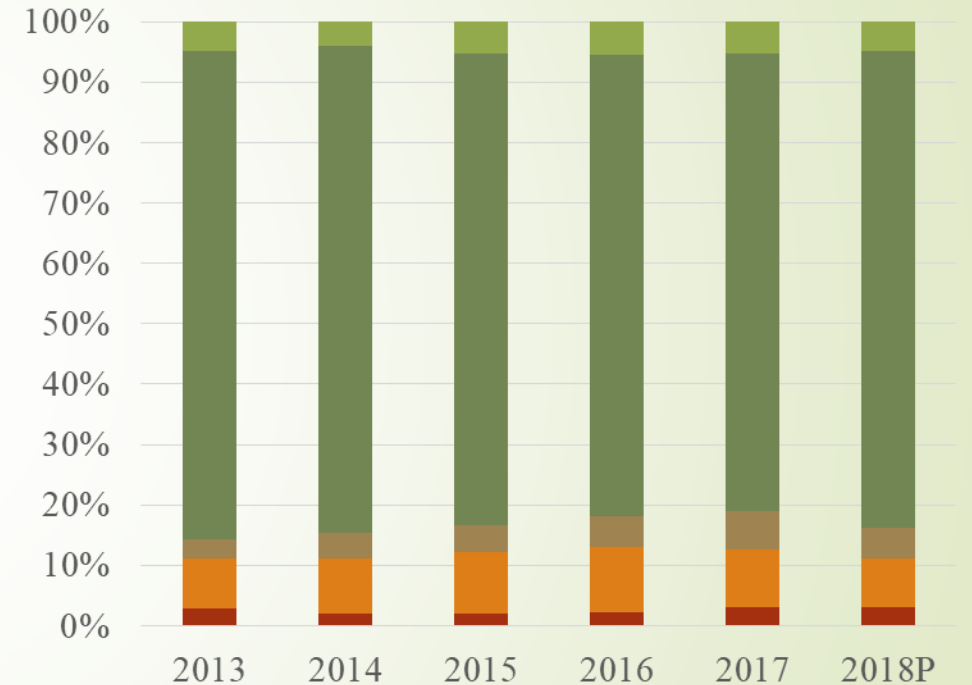
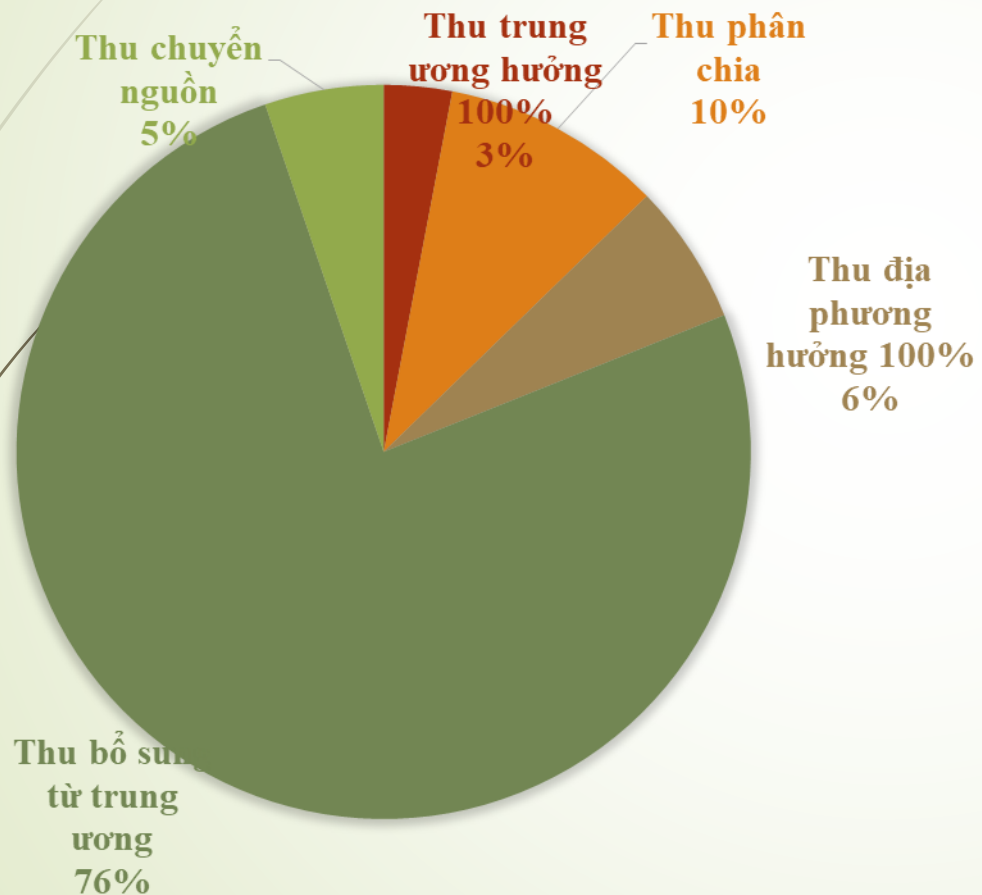


Tình huống Hà Giang và các tỉnh miền núi phía Bắc

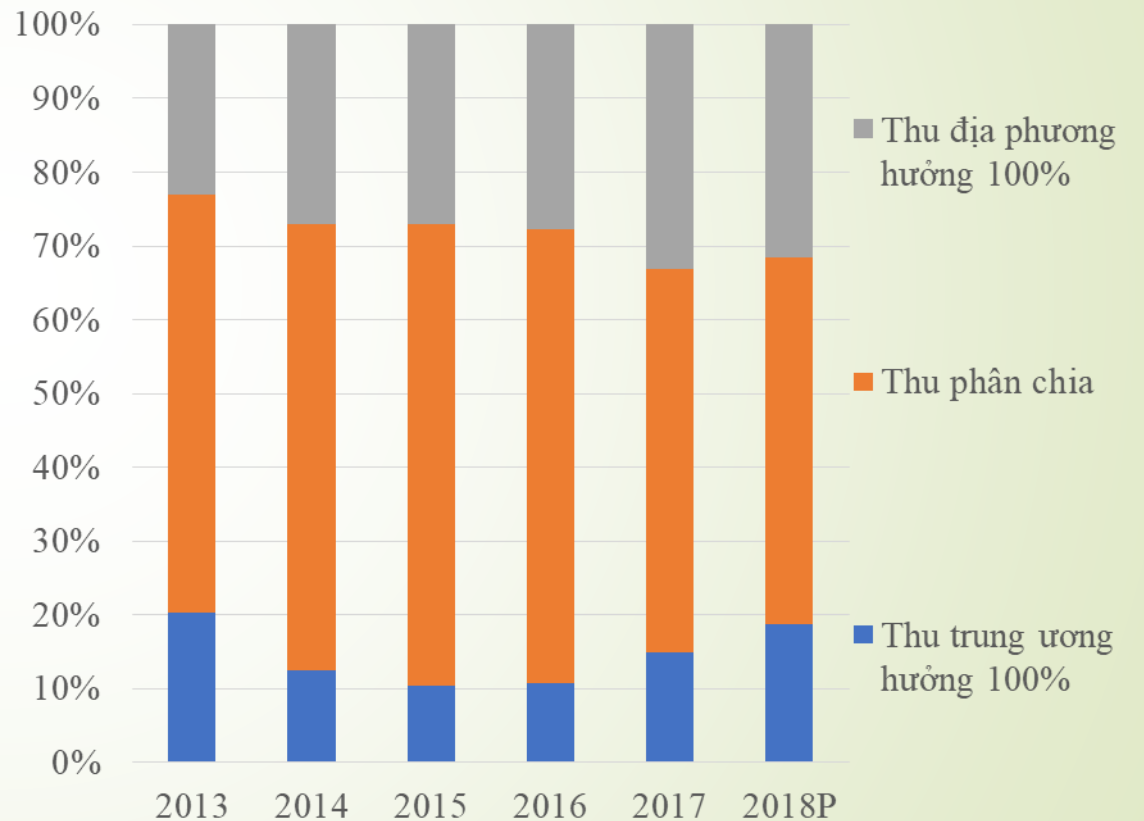
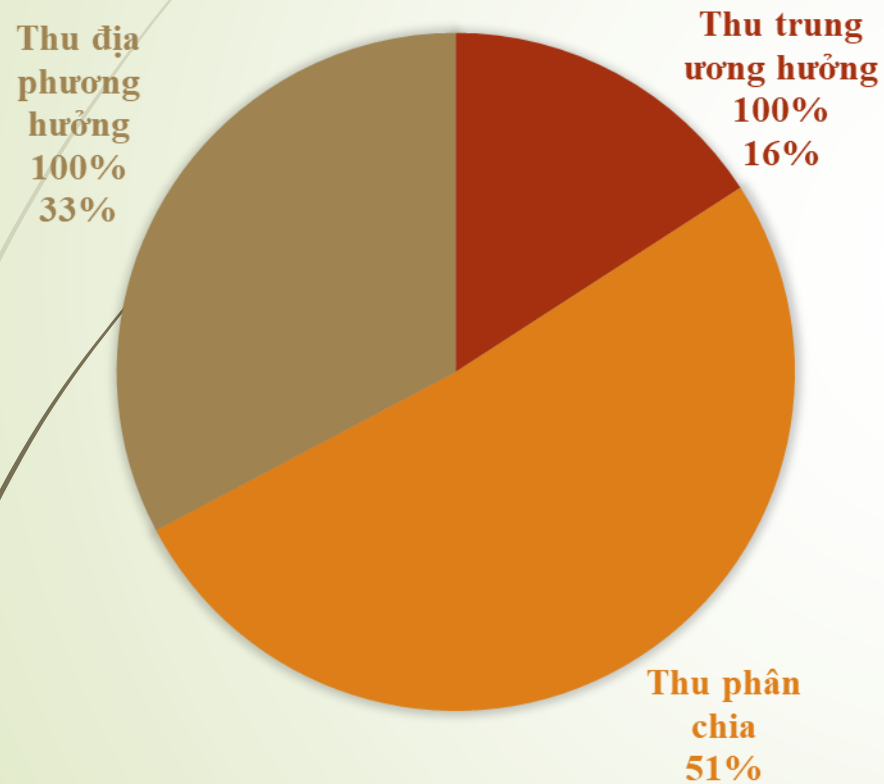
Tương quan về quan hệ thu - chi ngân sách của các địa phương 2017 (tỉ VNĐ)



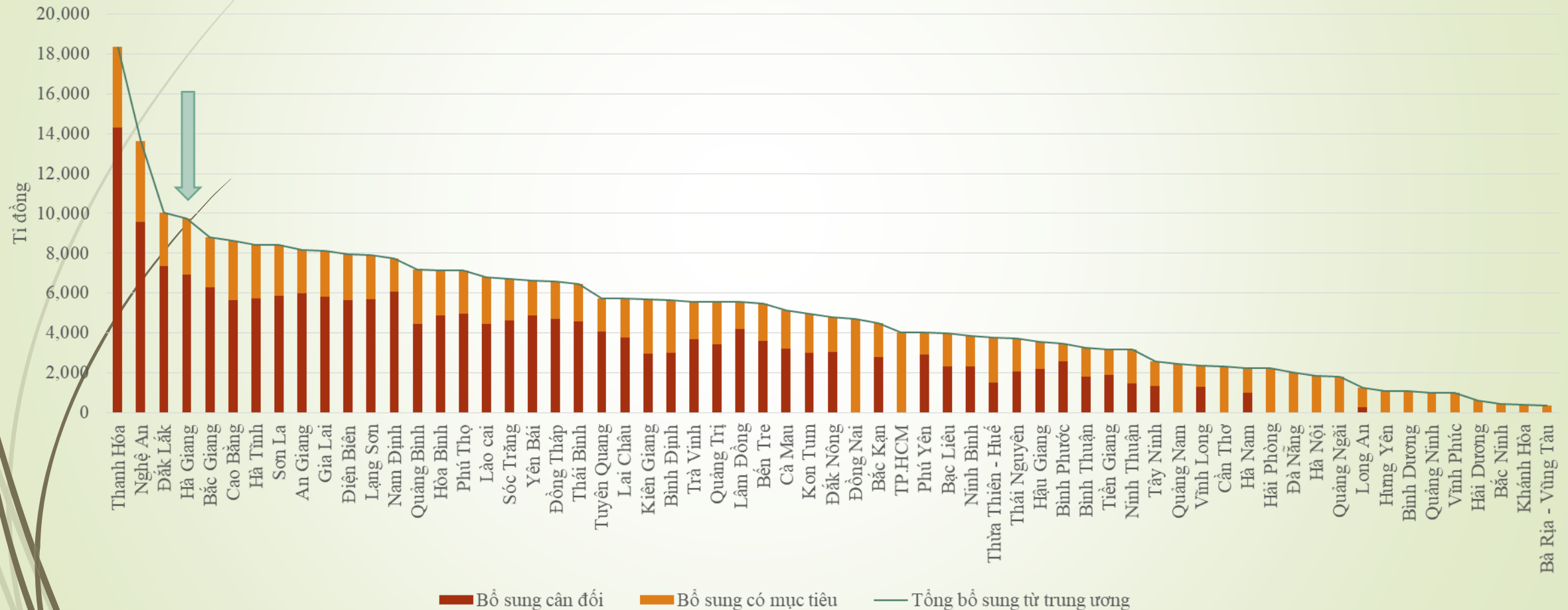
Cấu trúc thu ngân sách của Hà Giang



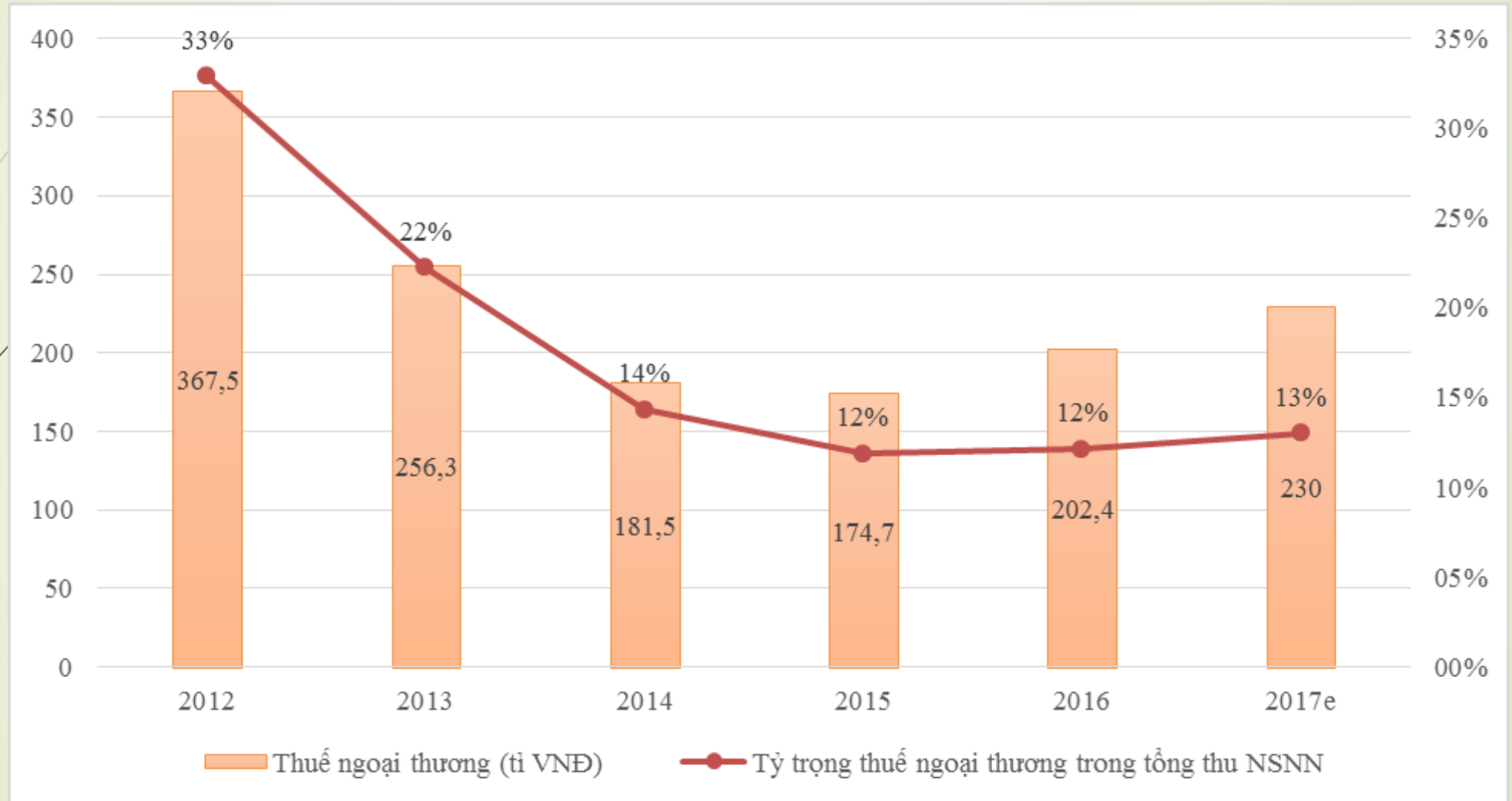
Cơ cấu thu ngân sách của Hà Giang sau loại trừ bổ sung từ trung ương



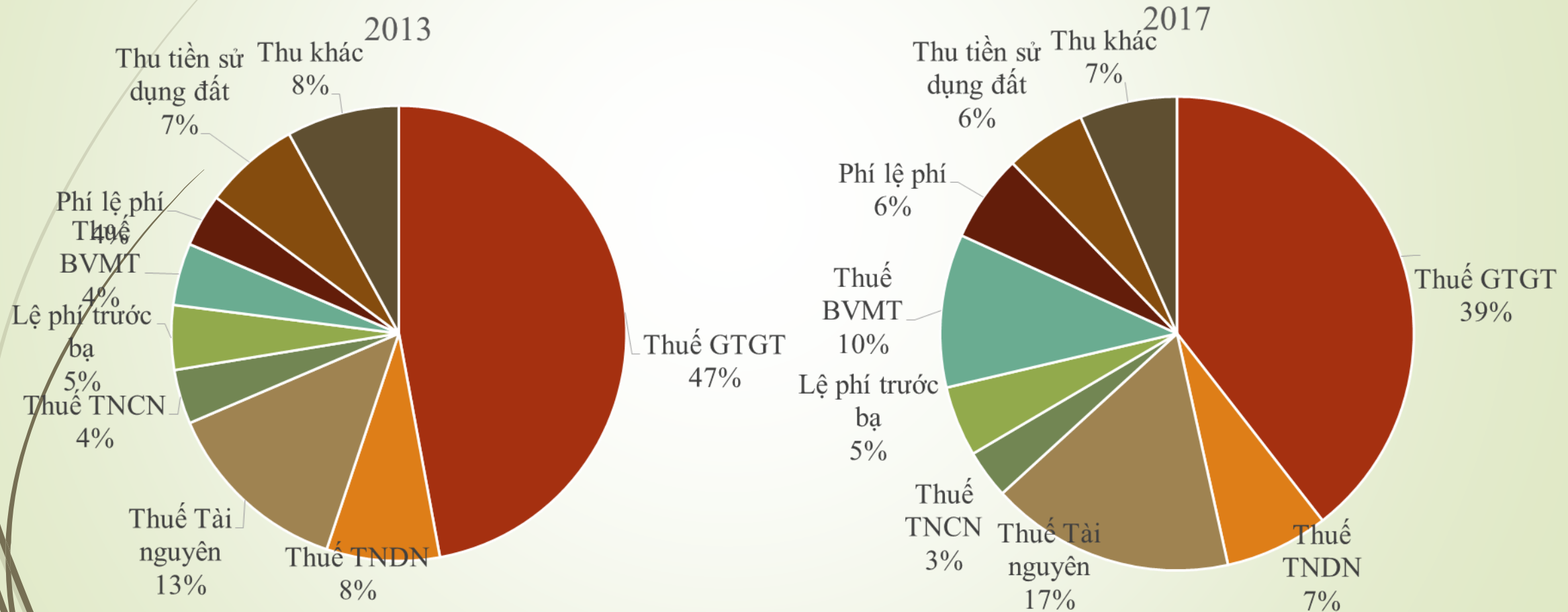
Bổ sung của trung ương cho các địa phương năm 2018 (tỉ VNĐ)



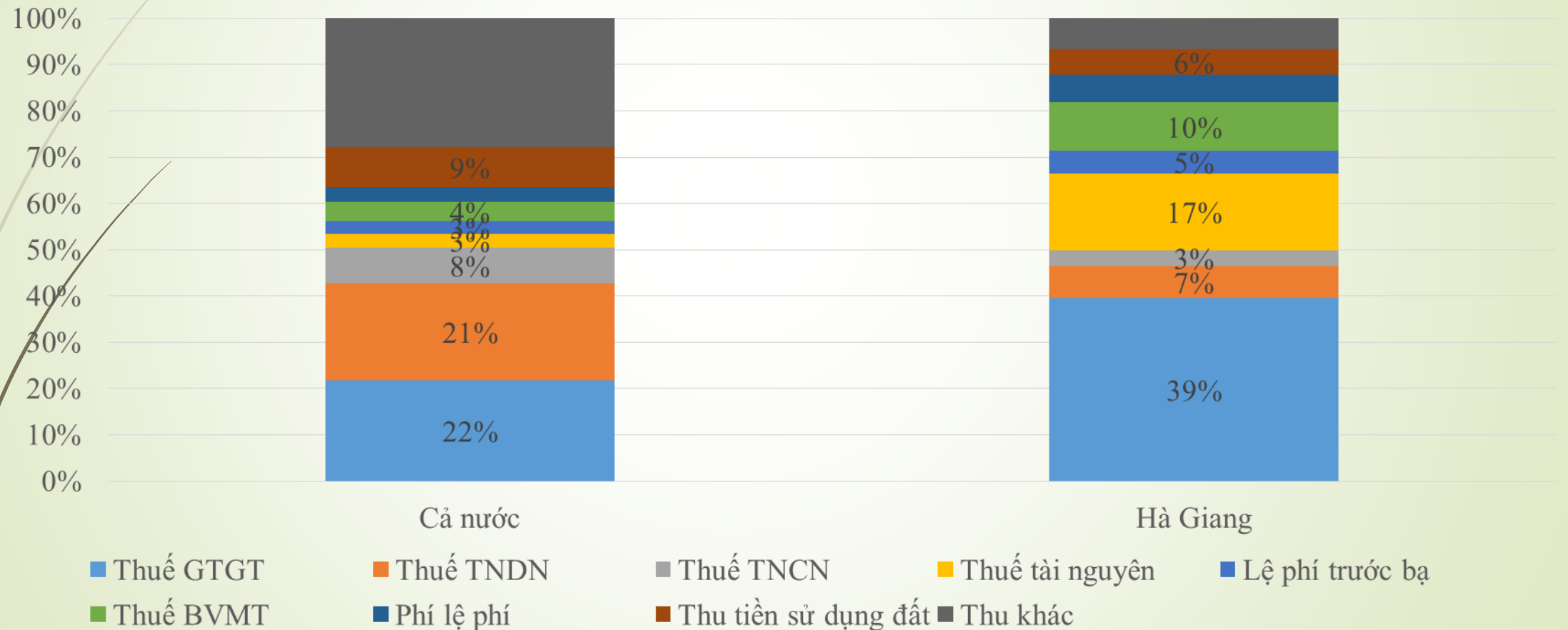
Tỷ trọng thu thuế ngoại thương của Hà Giang



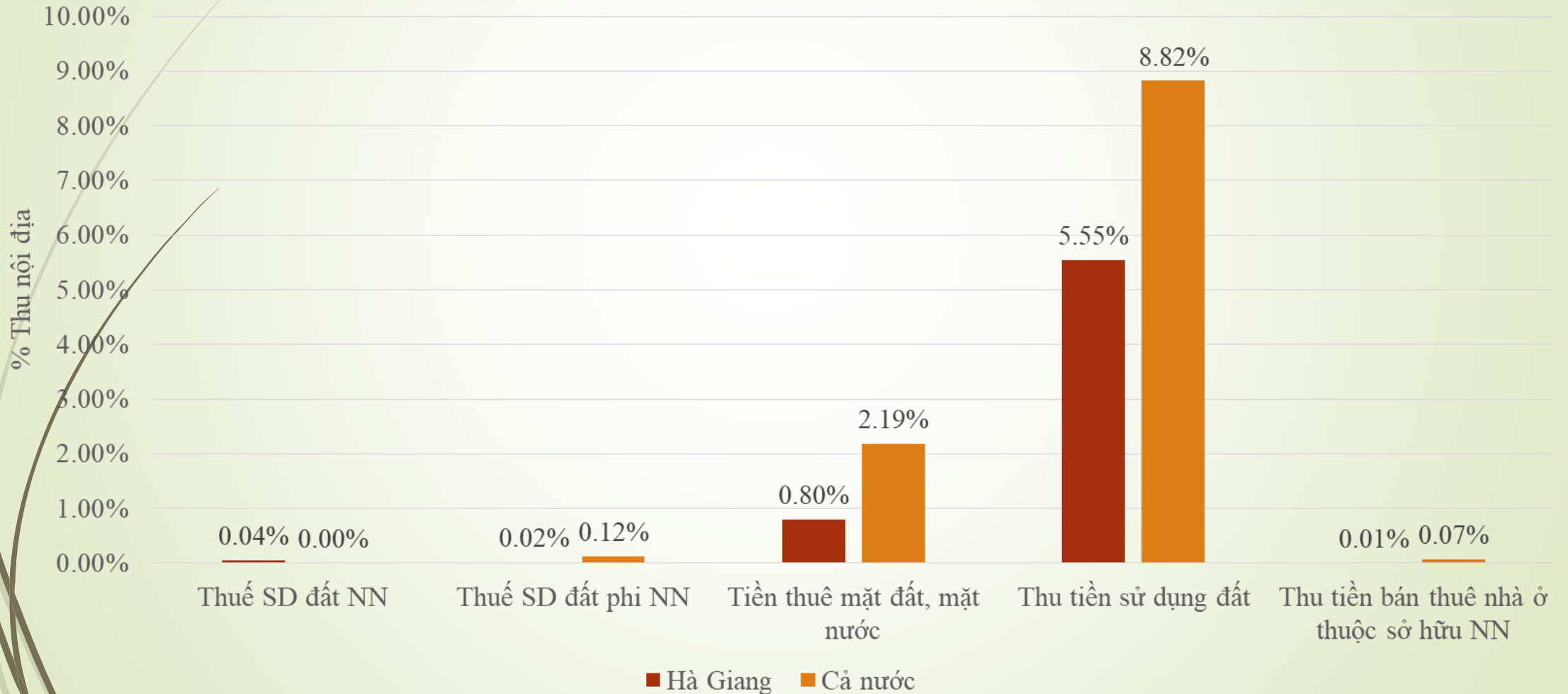
Cơ cấu thu nội địa của Hà Giang so sánh 2 năm 2013 và 2017



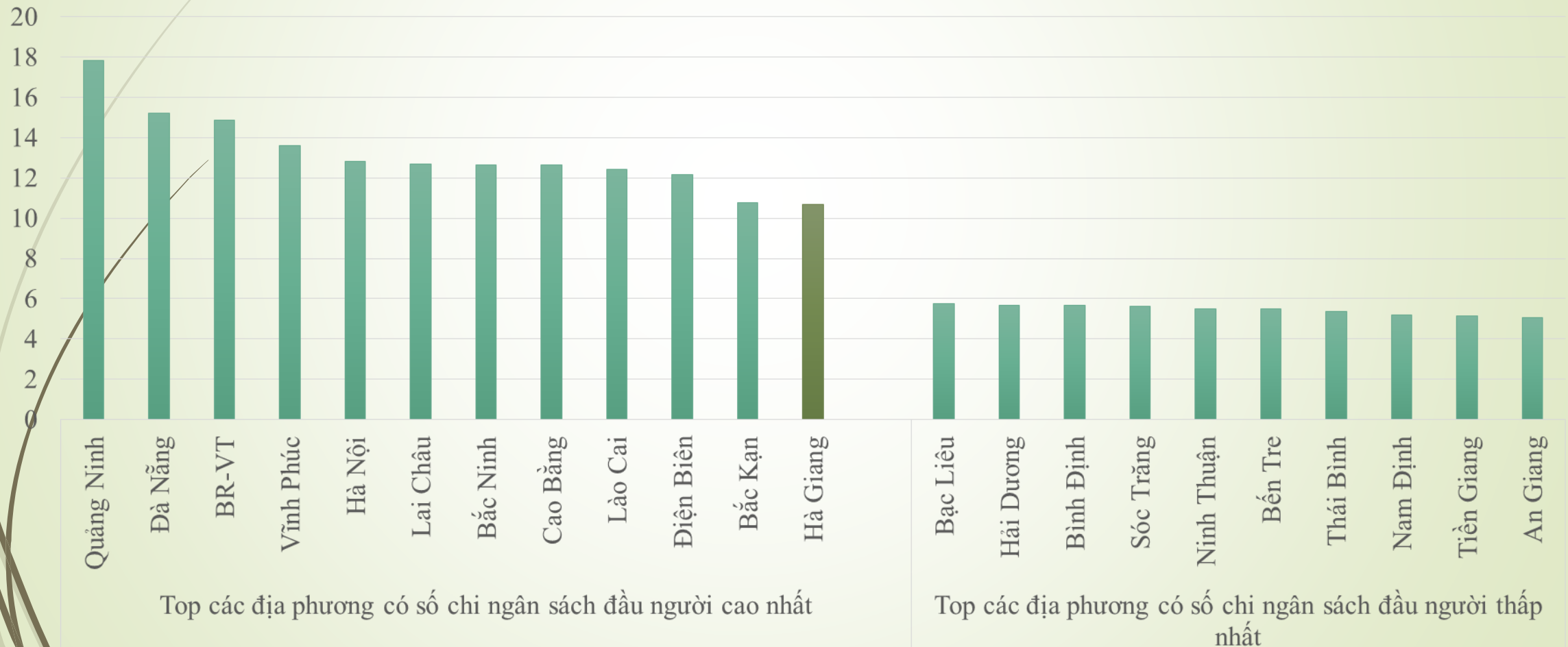
Cơ cấu thu nội địa của Hà Giang so với cả nước năm 2017



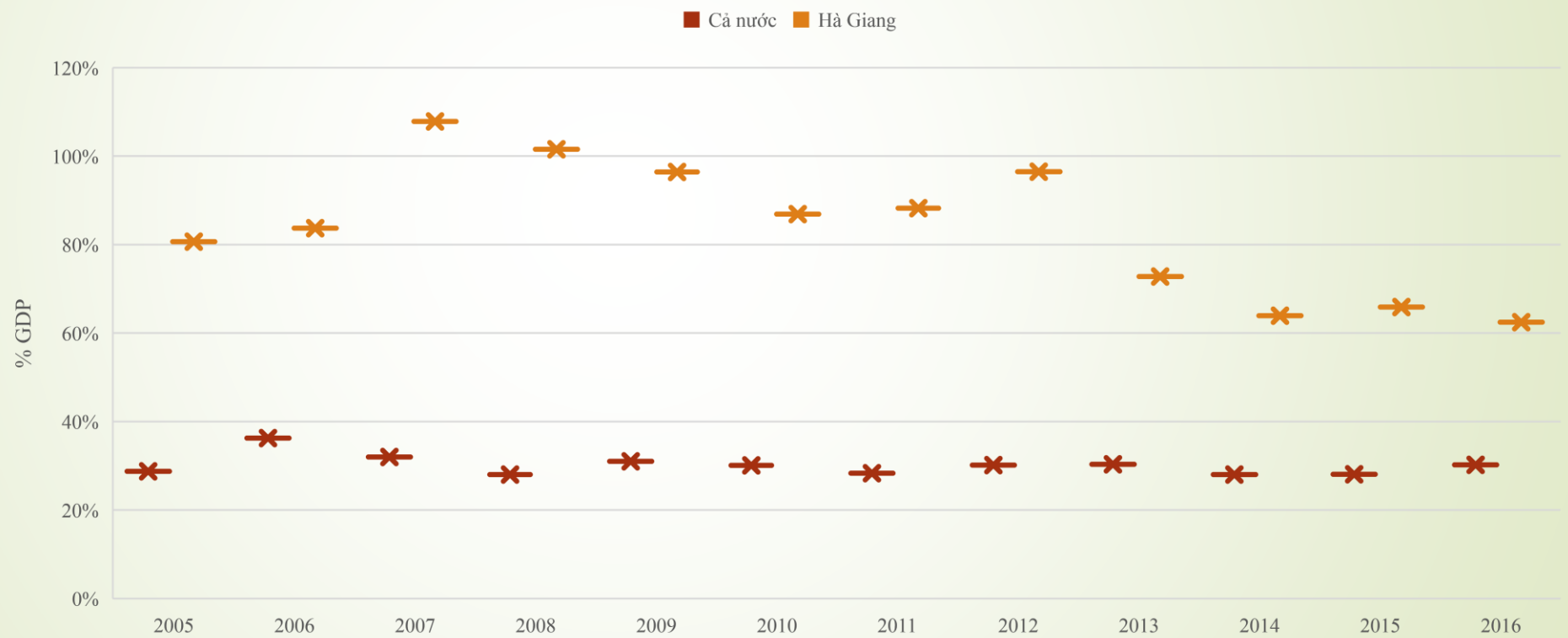
Tỷ trọng các khoản thu liên quan đến đất đai so với thu nội địa năm 2017



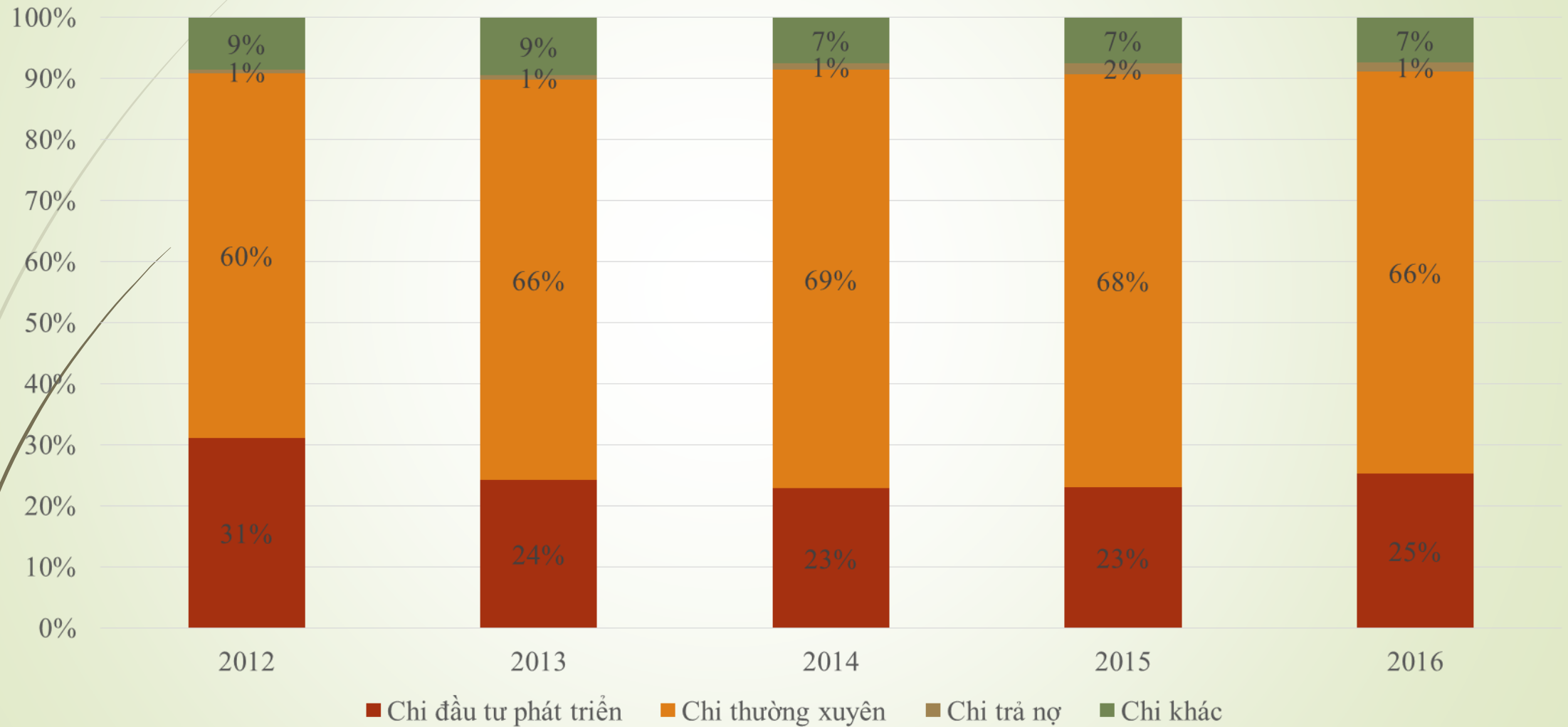
Chi ngân sách bình quân đầu người năm 2018 của các địa phương



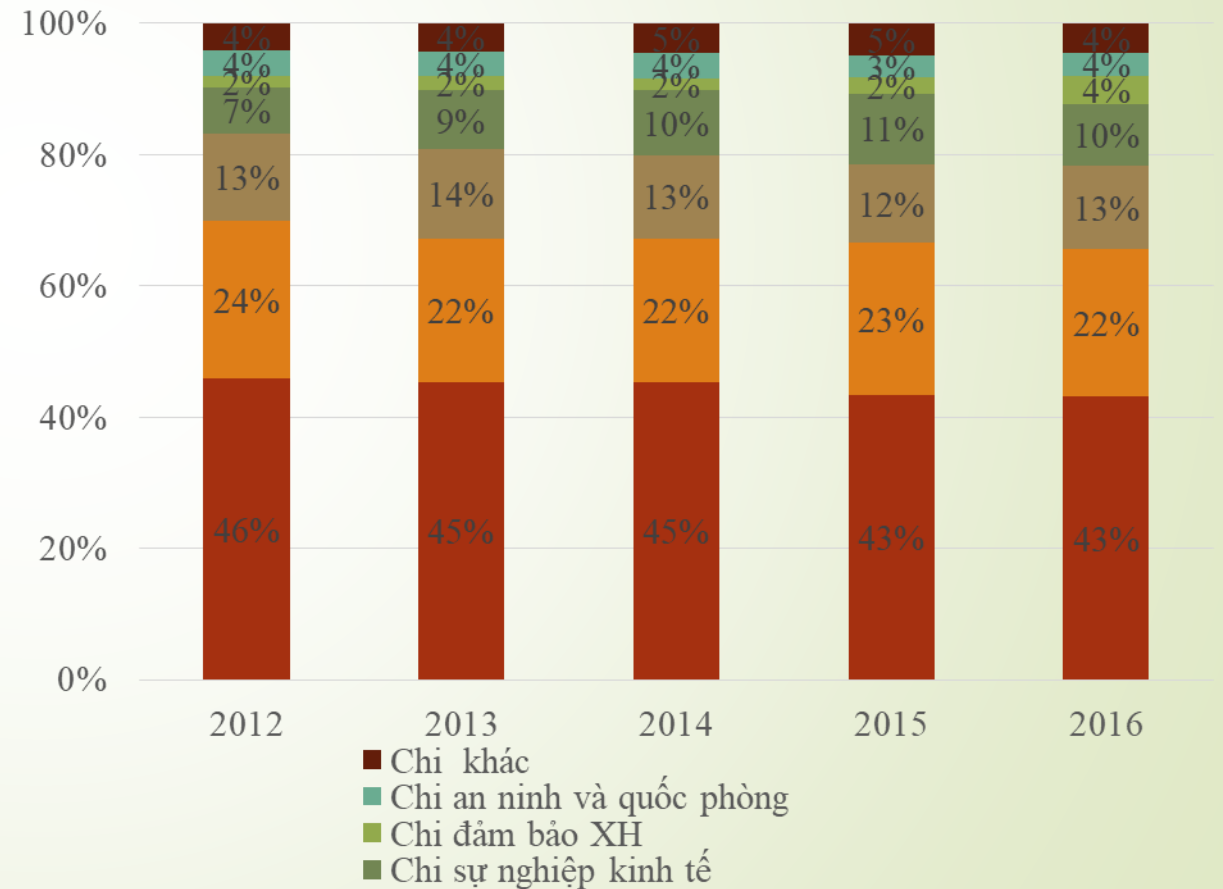
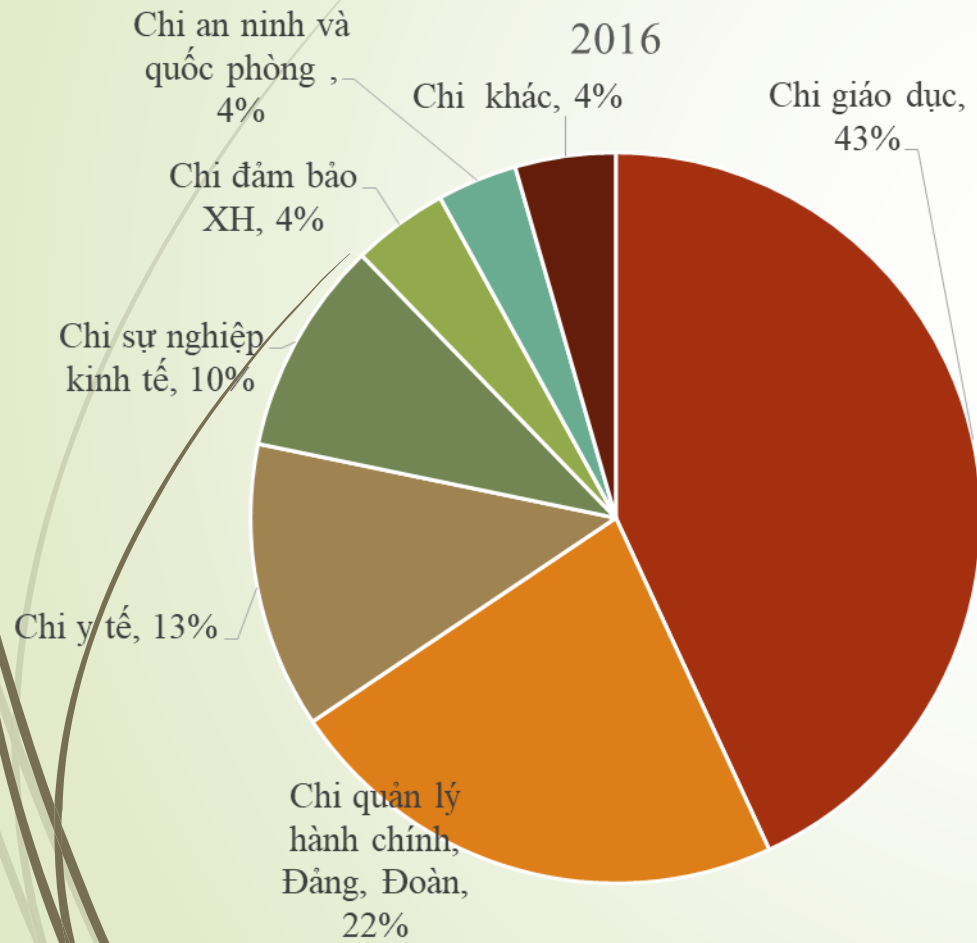
Tỷ trọng chi ngân sách/GDP của Hà Giang so với cả nước



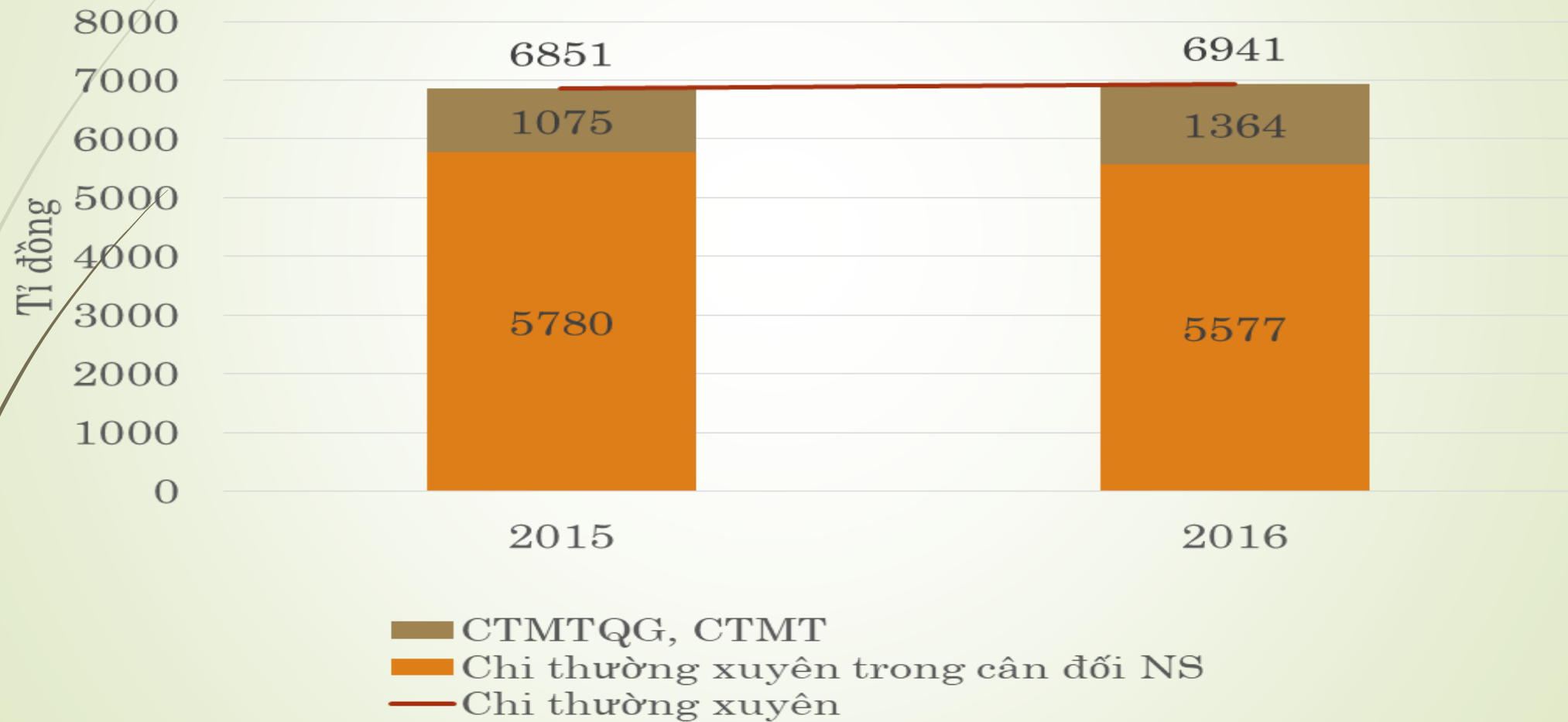
Cơ cấu chi ngân sách của Hà Giang



Cơ cấu chi thường xuyên các năm của Hà Giang



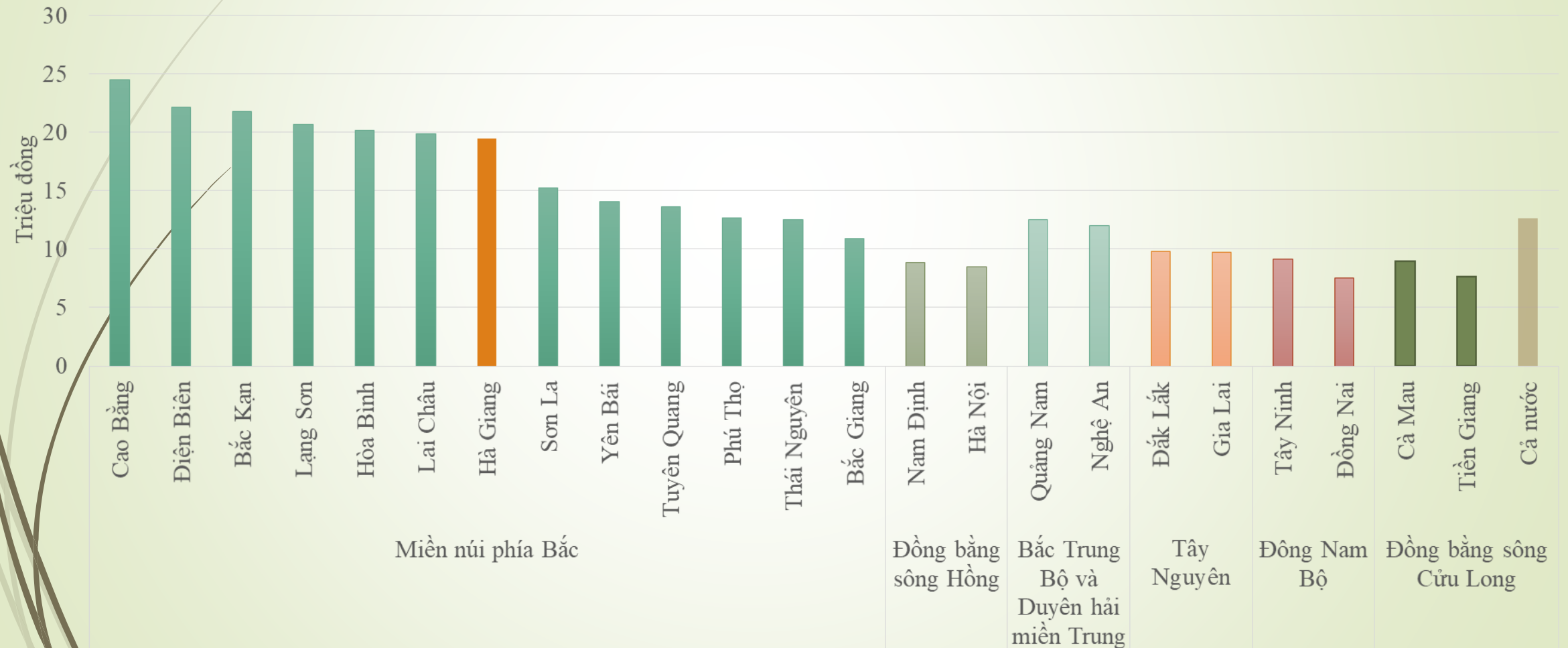
Cơ cấu chi thường xuyên theo cân đối và chương trình mục tiêu



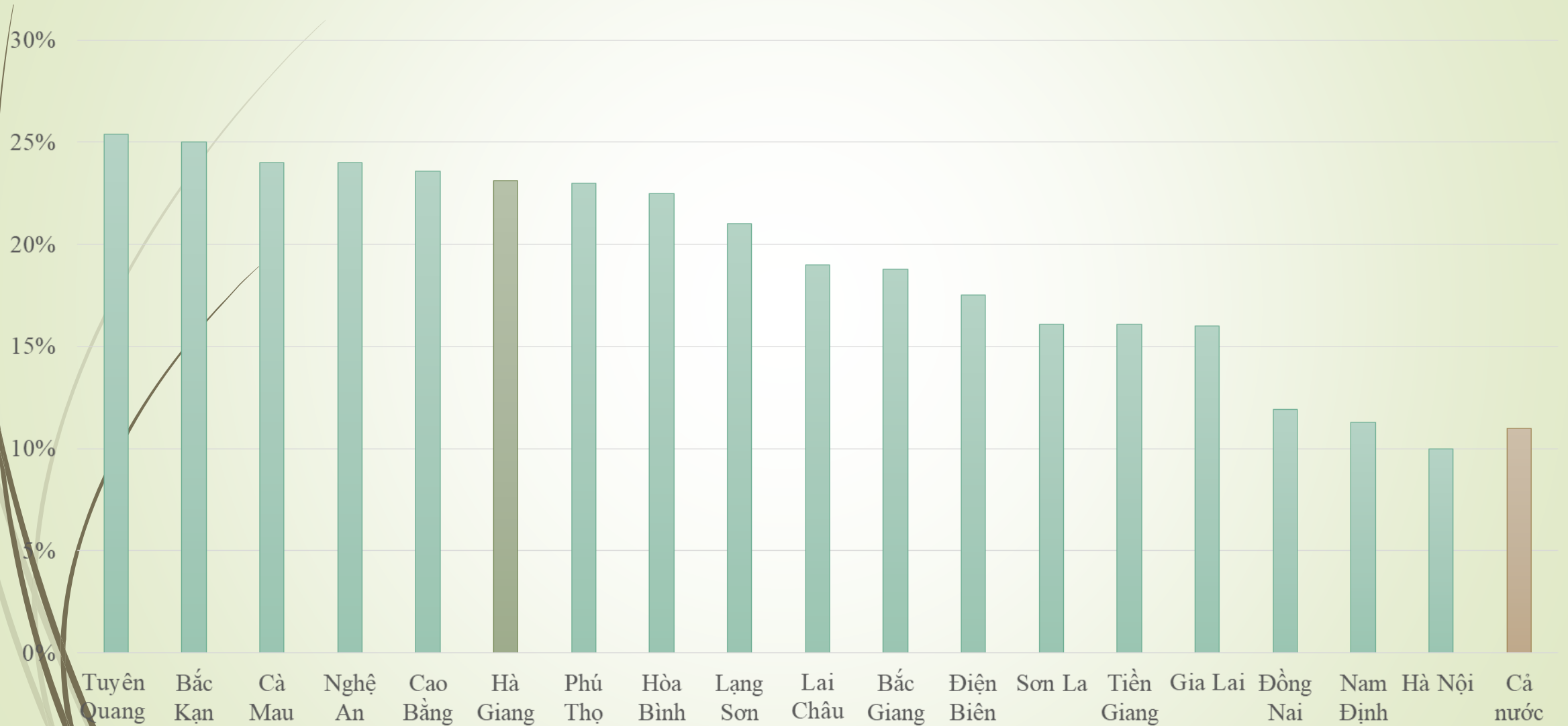
Tỷ trọng chi thường xuyên dành cho giáo dục, đào tạo, dạy nghề



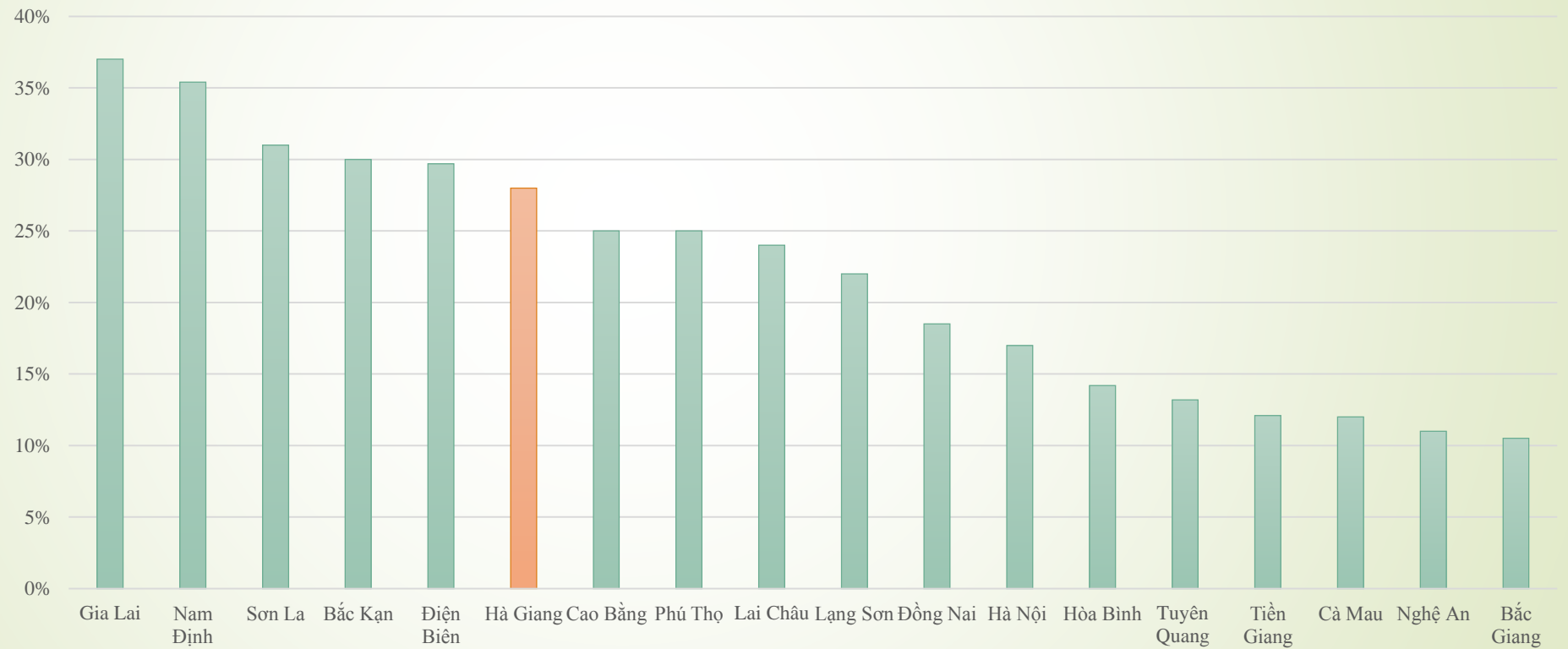
Chi giáo dục bình quân mỗi học sinh phổ thông năm 2015



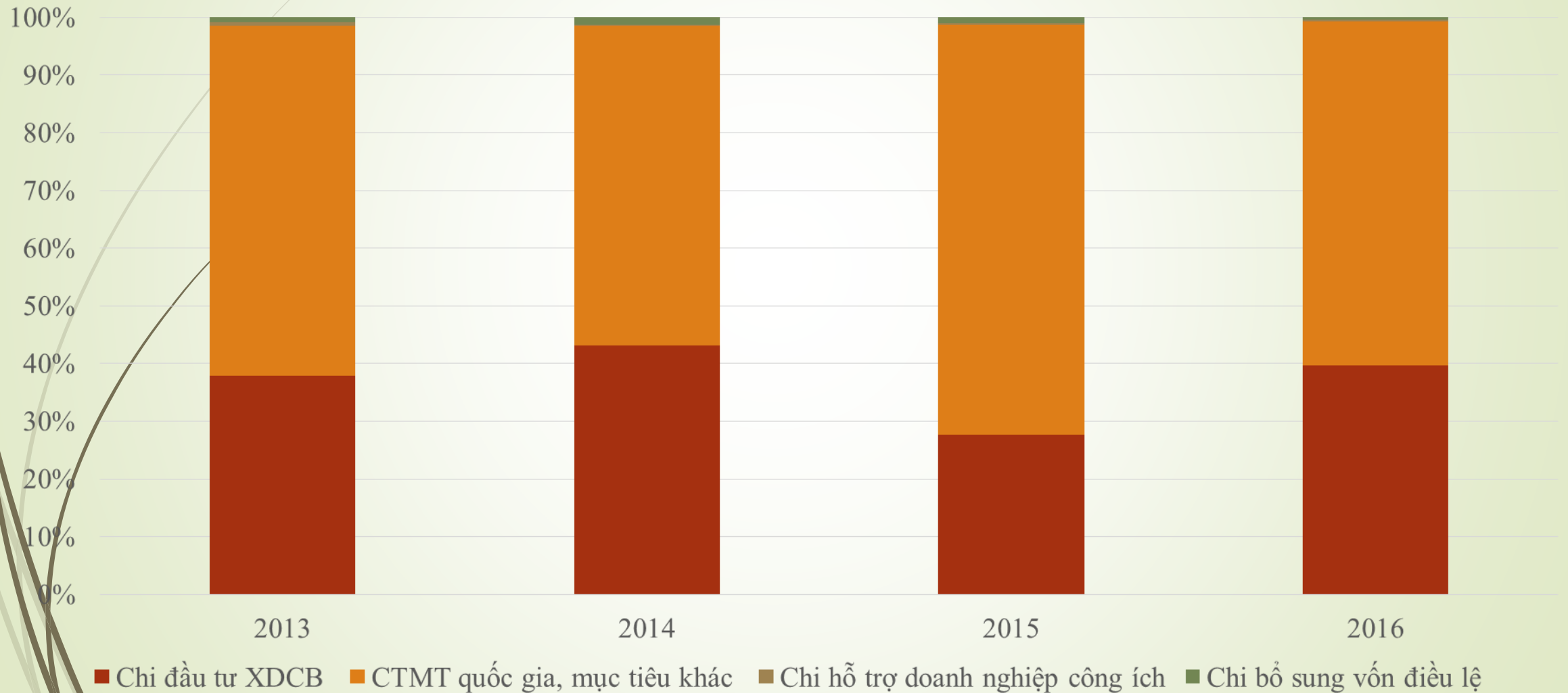
Tỷ trọng chi quản lý hành chính năm 2015



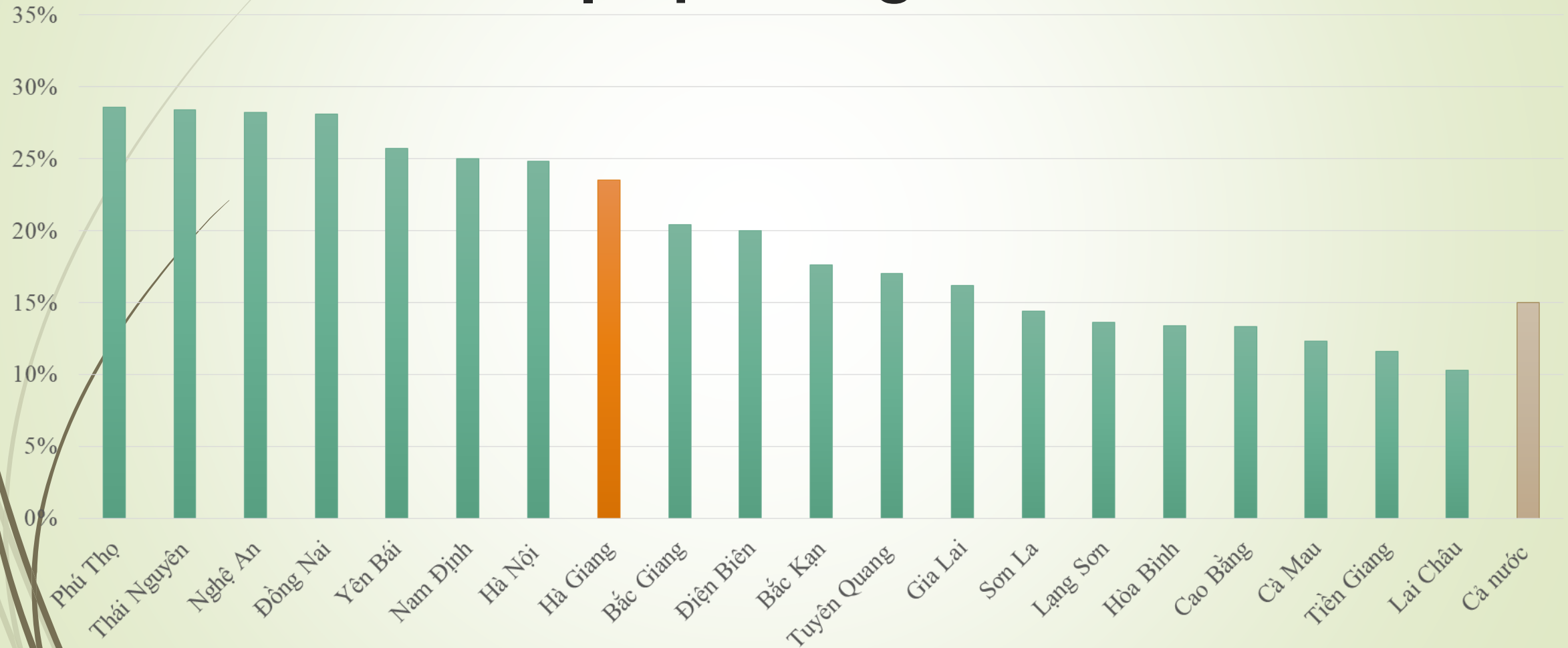
Tỷ trọng chi cho y tế năm 2015 của các địa phương



Cơ cấu chi đầu tư phát triển của Hà Giang



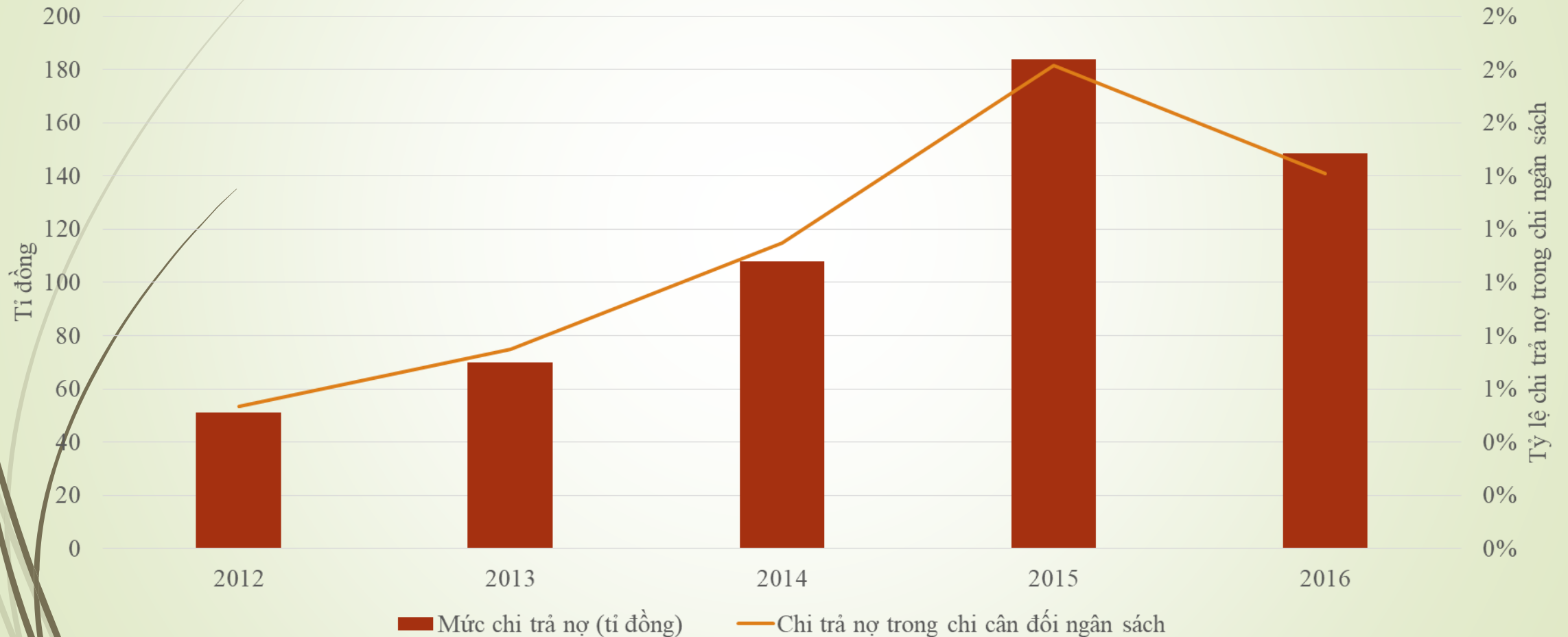
Tỷ trọng chi đầu tư phát triển năm 2015 của các địa phương và cả nước



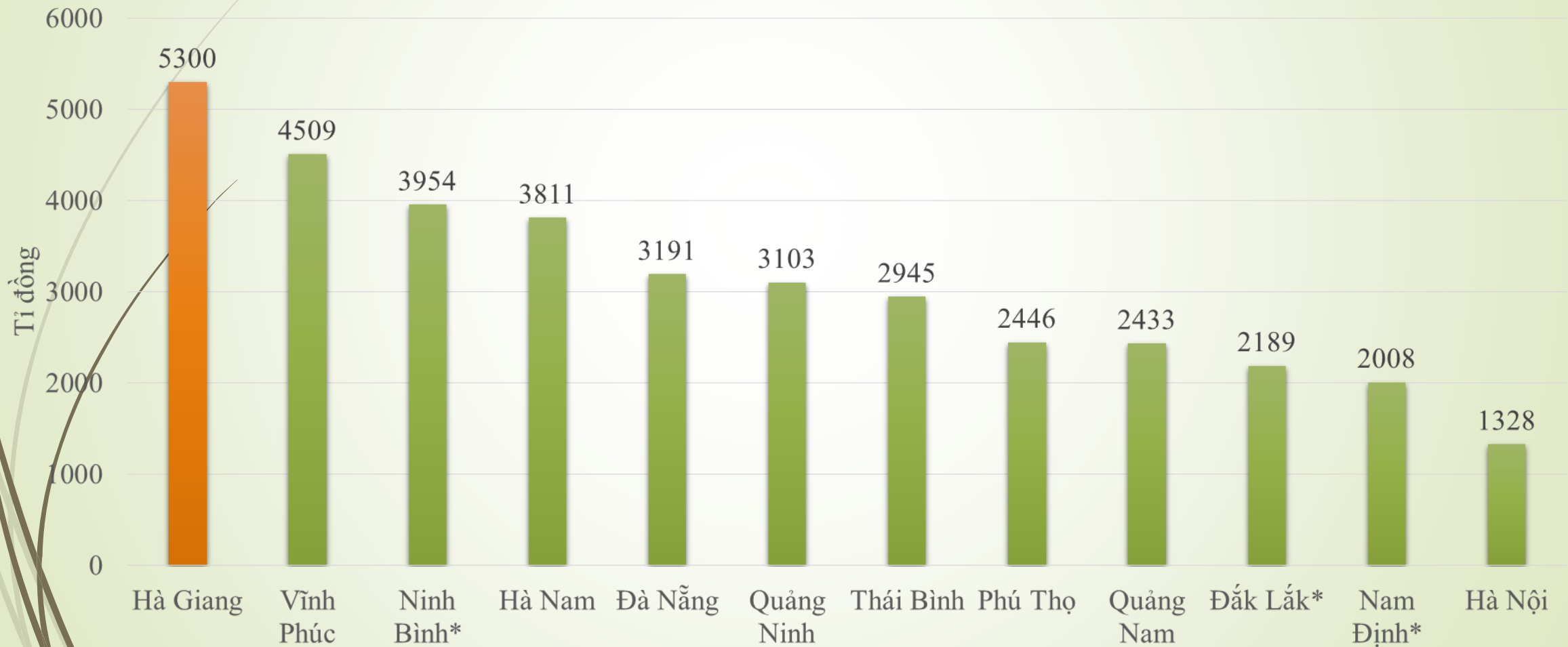
Một số chương trình/đề án/kế hoạch

	Tổng kinh phí được duyệt	Trong đó		
		NSTW	NSDP	Nguồn khác
ĐA xúc tiến quảng bá du lịch tỉnh HG đến năm 2020	12,070	0	10,340	1,730
KH triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học học tập giai đoạn 2013-2020" trên địa bàn tỉnh	16,904	6,762	10,142	0
Kế hoạch xúc tiến thương mại tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016-2020	25,000	6,500	18,500	0
Đề án quy hoạch tổng thể hệ thống cơ sở phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030	431,679.0	365,543	66,136.0	
Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ ANTK giai đoạn 2013-2020"	42,820		42,820	
ĐA đầu tư PT & NCNL Vườn Quốc gia Du Già - Cao nguyên đá ĐV giai đoạn 2016-2020	133,061	126,686	6,375	
ĐA phát triển thể thao thành tích cao giai đoạn 2016-2016	61,289	0	61,289	0
Đề án dạy nghề gắn với học viên TTGD TX	159,324		159,324	
KH triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học học tập giai đoạn 2013-2020" trên địa bàn tỉnh	16,904	6,762	10,142	0
Kế hoạch triển khai thực hiện CT bảo vệ trẻ em tỉnh HG giai đoạn 2016-2020	10,900	6,350	4,550	
Đề án nâng cáo chất lượng đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh HG giai đoạn 2016-2020	317,400	216,000	65,400	36,000
Kế hoạch phát triển nghề công tác xã hội HG giai đoạn 2010-2020	138,100	137,250	850	0
Đề án hỗ trợ xi măng xây dựng nông thôn mới (1 triệu tấn xi măng)	1,319,000	659,500	659,500	0
Đề án mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hà Giang giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030	140,862		65,217	75,645
Kế hoạch đào tạo nghề trình độ sơ cấp dưới 3 tháng giai đoạn 2016 - 2020	61,272		61,272	
Đề án tri thức trẻ	39,158	31,326	7,832	
Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020	714,732		714,732	
	3,640,475	1,562,679		1,964,421

Tình hình chi trả nợ vay các năm của Hà Giang



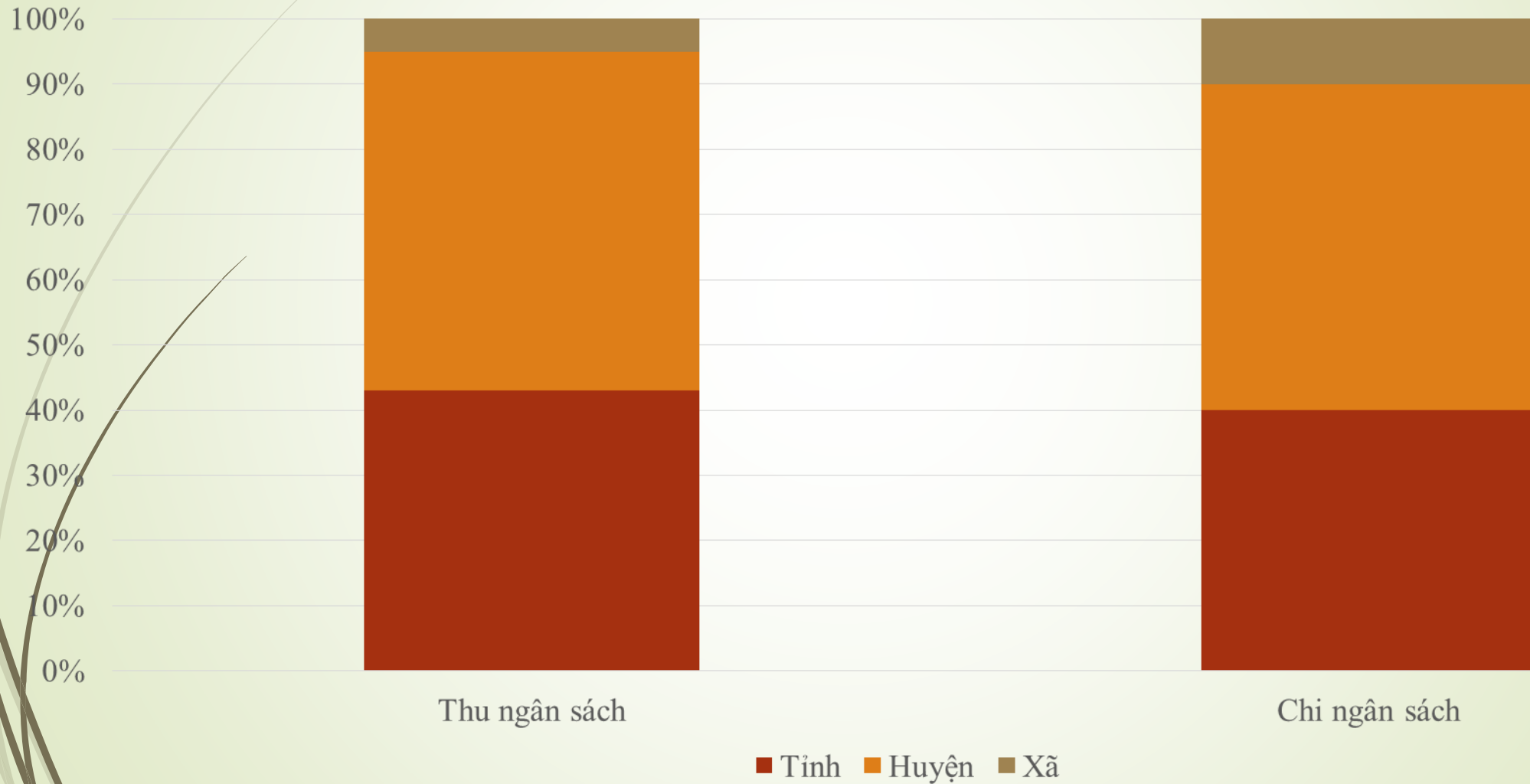
Nợ đọng xây dựng cơ bản của các địa phương tính đến 31/12/2013



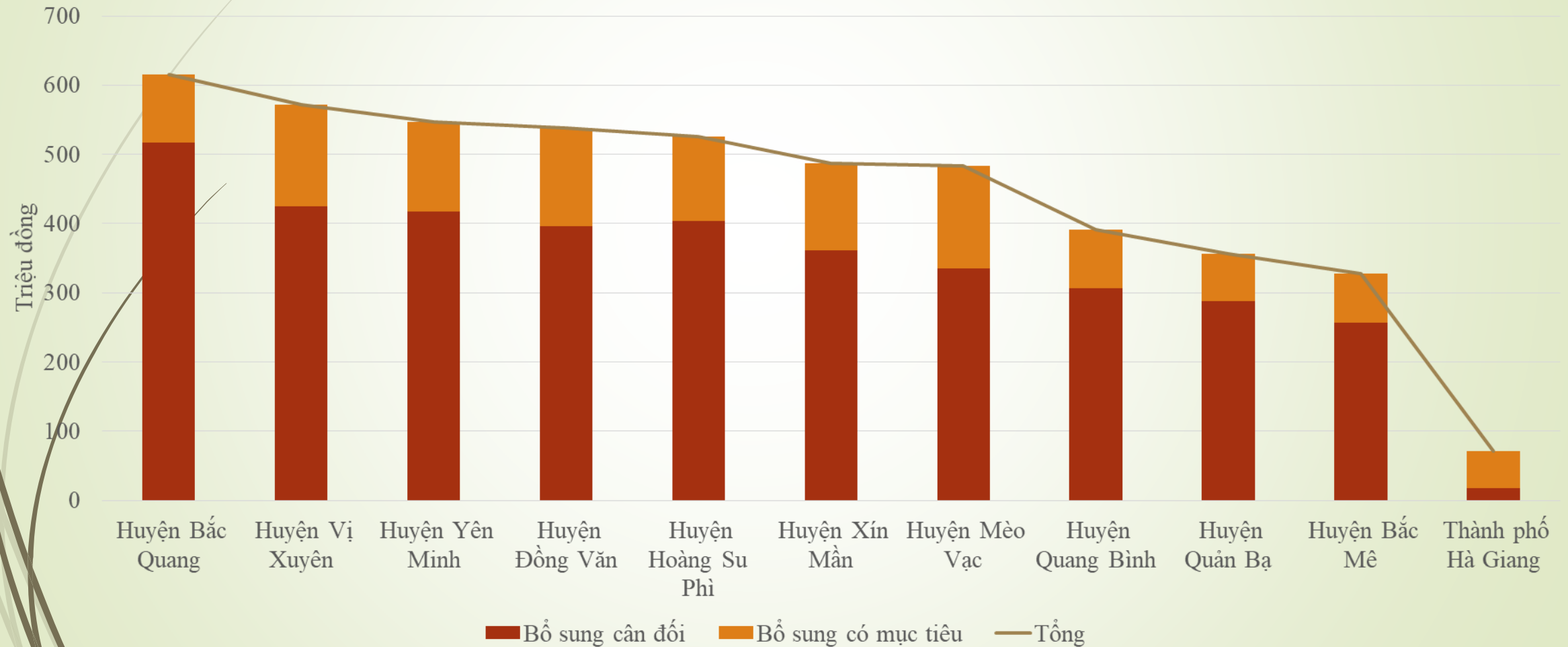
Tình hình dư nợ và trả nợ vay các năm của Hà Giang (tỉ đồng)

	2014	2015	2016
Dư nợ đầu năm	547	660	729
<i>Ngân hàng Phát triển</i>	574	590	559
<i>Kho bạc NN TW</i>		70	170
Trả nợ trong năm	107,8	253,7	324,5
<i>Ngân hàng Phát triển</i>	107	181	171
<i>Kho bạc NN TW</i>	0,83	72,68	171,5
Số vay mới trong năm	220	320	250
<i>Ngân hàng Phát triển</i>	150	150	150
<i>Kho bạc NN TW</i>	70	170	100

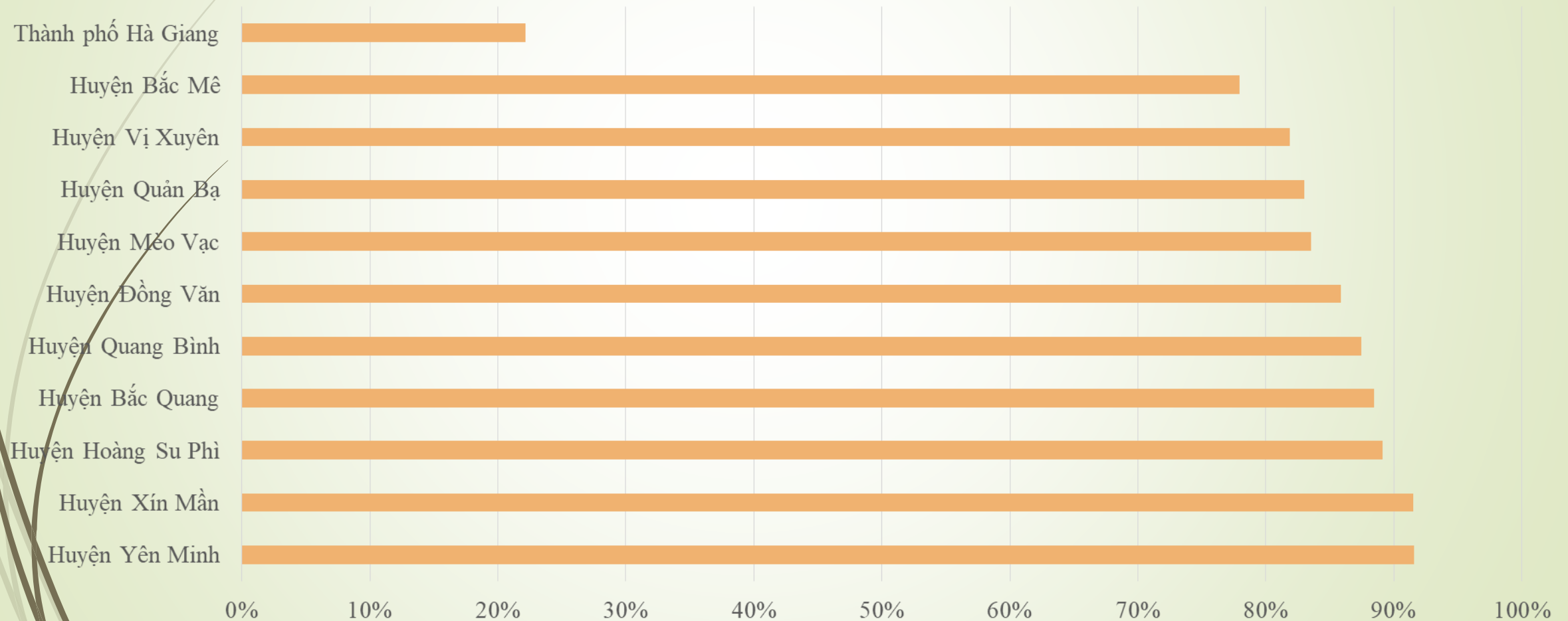
Thực trạng phân cấp ngân sách



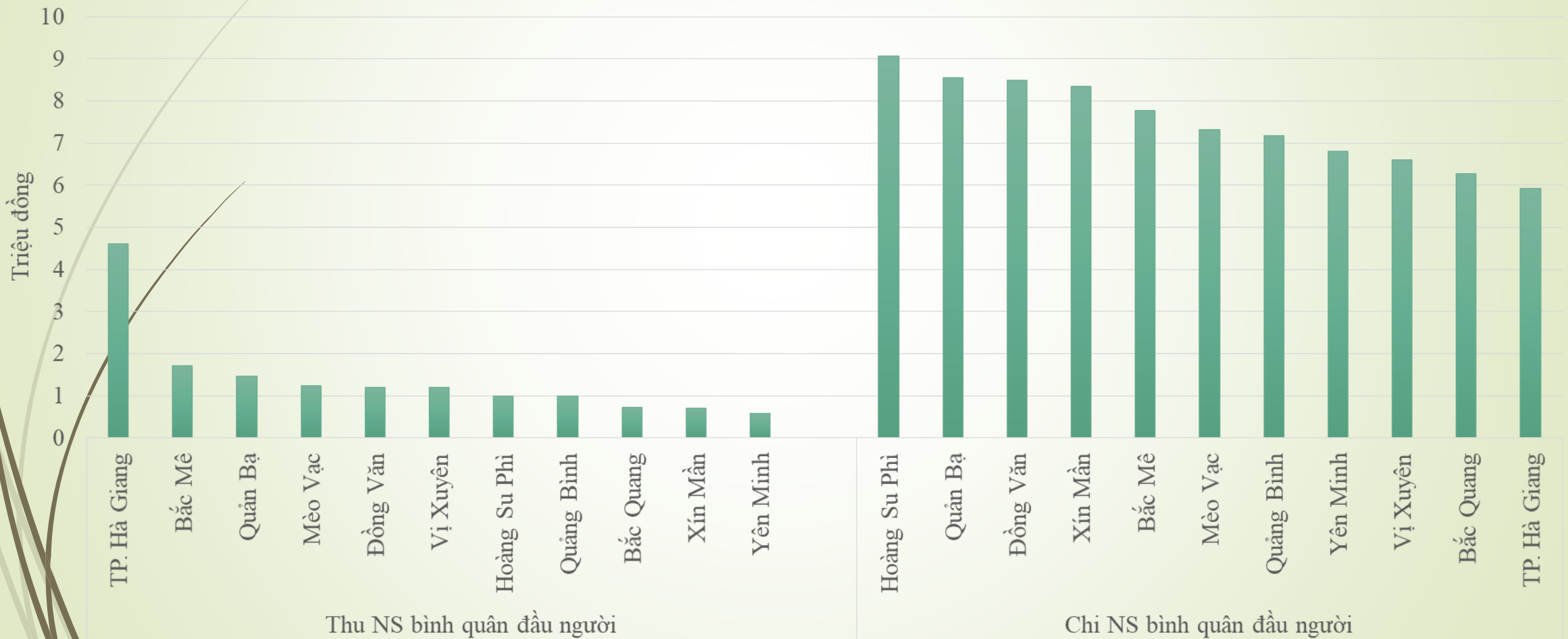
Tình hình bổ sung ngân sách tỉnh cho các huyện ở Hà Giang



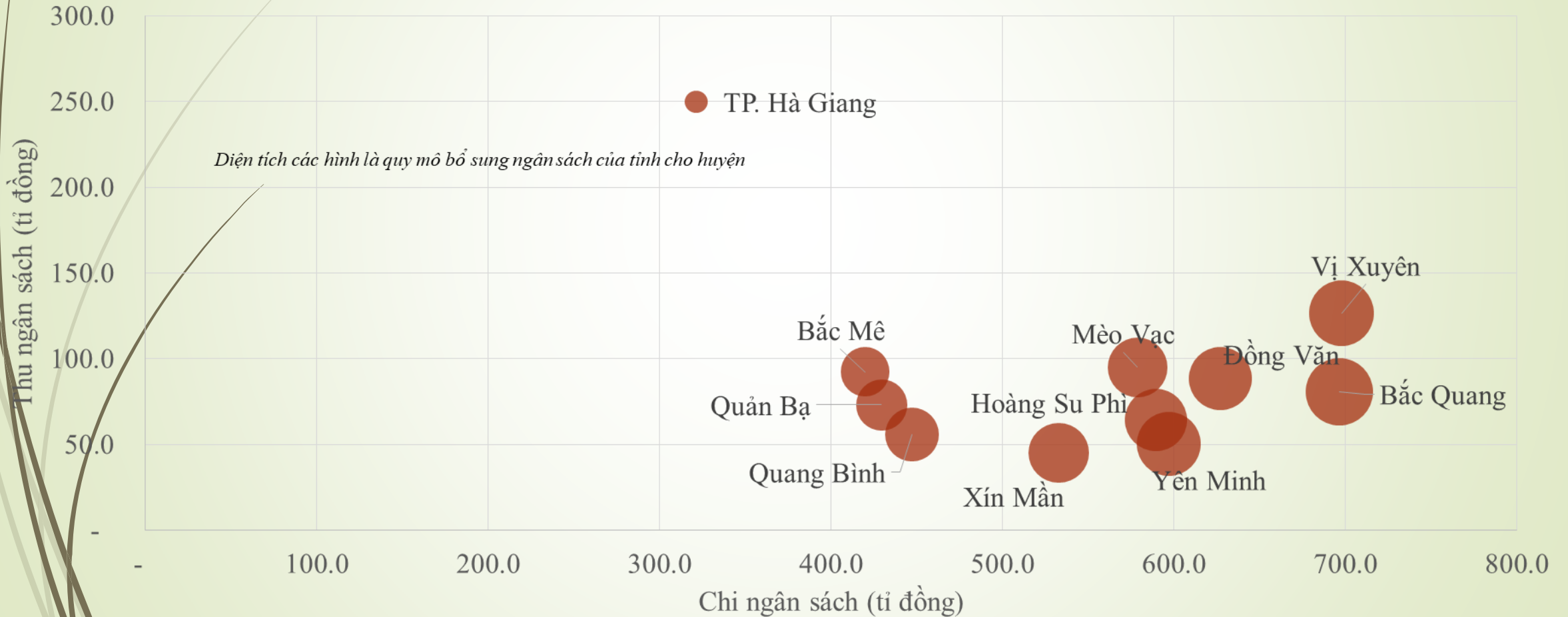
Tỷ lệ bổ sung ngân sách so với chi ngân sách của các huyện



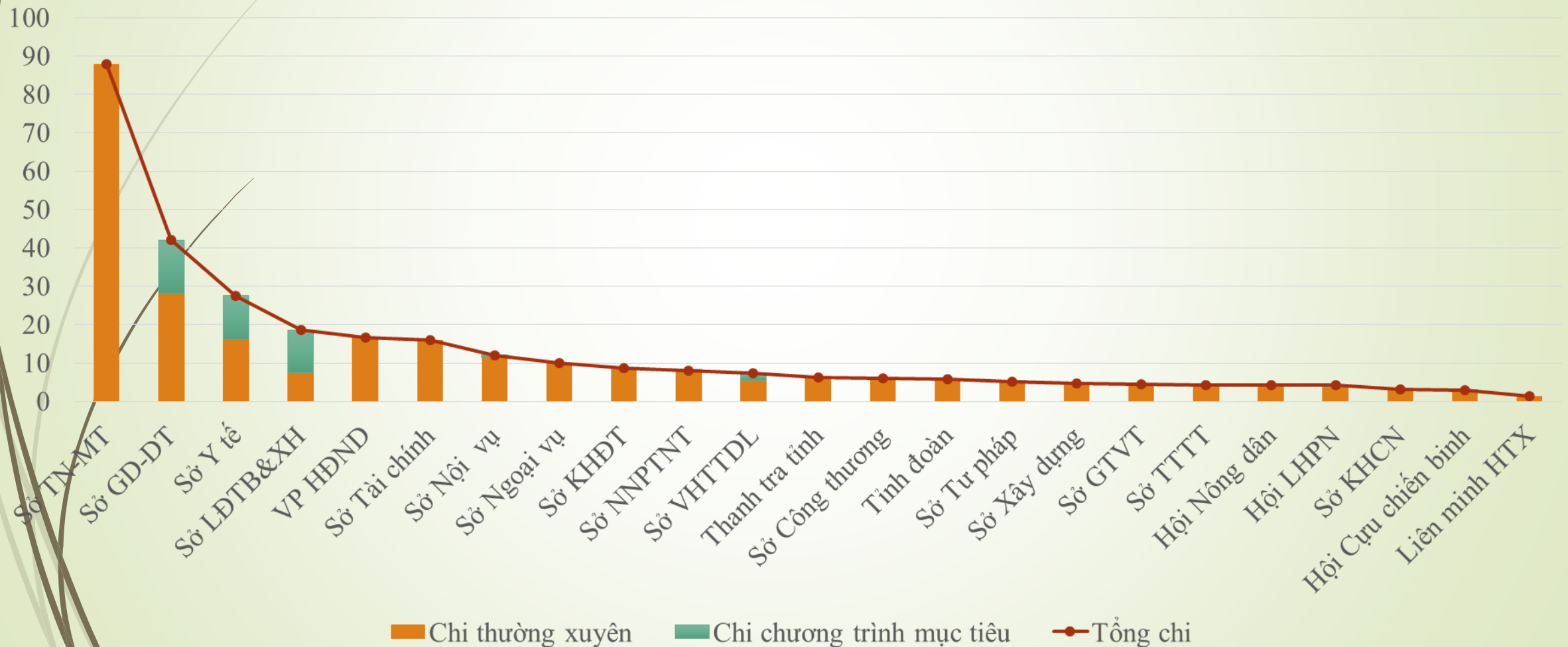
Thu và chi ngân sách bình quân đầu người của các huyện (triệu đồng)



Bức tranh tài khóa của các huyện ở Hà Giang



Phân bổ ngân sách cho các sở ngành ở Hà Giang năm 2014



Một số vấn đề về thuế bất động sản của địa phương

CÁC KHÁI NIỆM CĂN BẢN

- LÀ NGUỒN THU CHÍNH YẾU CHO:

Địa phương

Tùy định

Ngân sách

- Đánh giá dựa trên:
 - GIÁ TRỊ VỐN CỦA ĐẤT VÀ CÁC CẢI TIẾN
 - GIÁ TRỊ HÀNG NĂM/TIỀN THUÊ,
 - GIÁ TRỊ ĐẤT THEO VỊ TRÍ
- Thuế suất có thể:
 - THỐNG NHẤT HOẶC PHÂN BIỆT
 - ĐỒNG NHẤT HOẶC LŨY TIẾN

MỤC ĐÍCH CỦA THUẾ BẤT ĐỘNG SẢN

→ BẢO ĐẢM VIỆC TẠO RA ĐỦ NGUỒN LỰC TÙY ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRONG DÀI HẠN

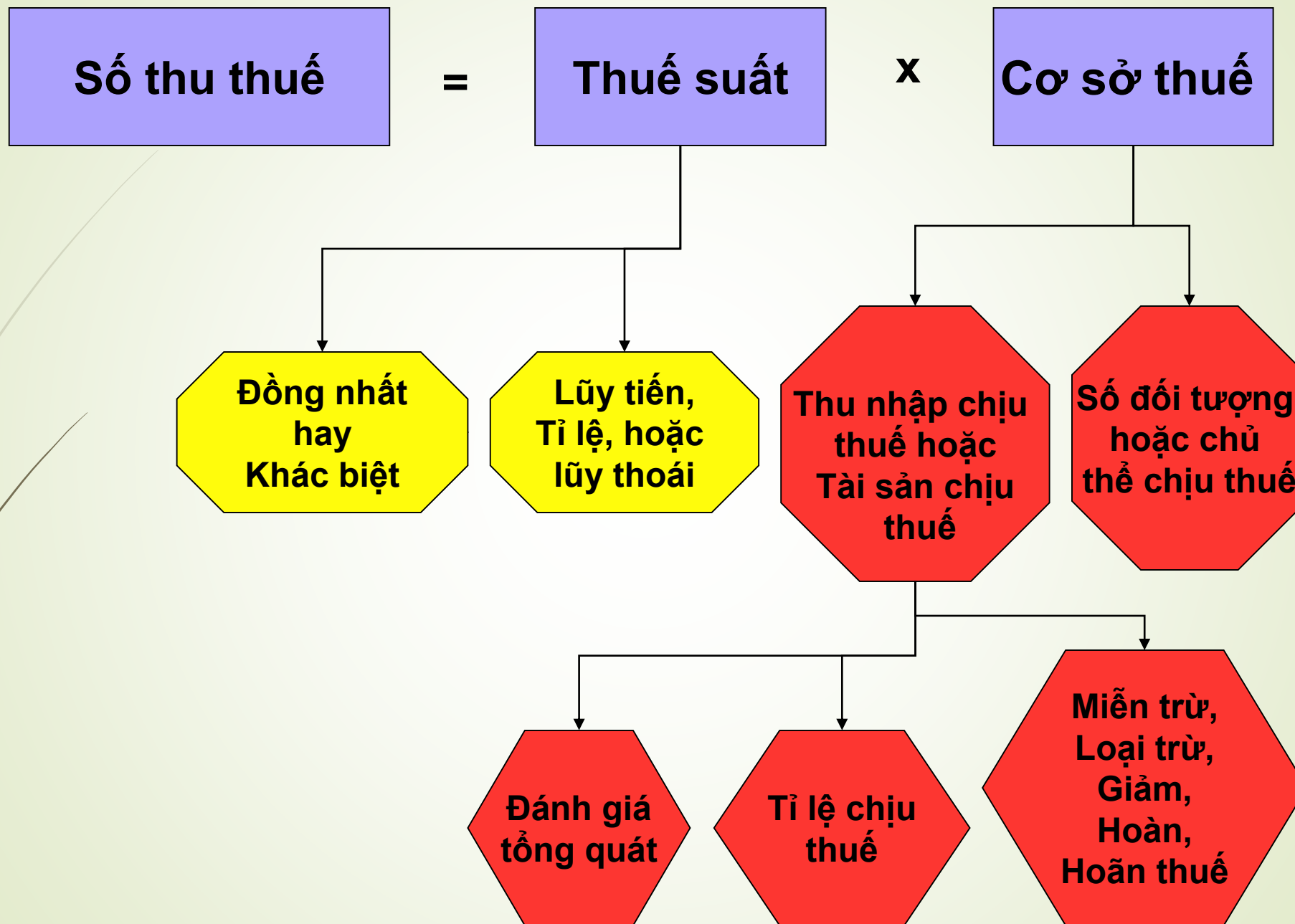
KHÔNG PHẢI

- ĐỊNH HƯỚNG CÁC QUYẾT ĐỊNH PHÂN BỐ
- ĐẠT ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU XÃ HỘI
- THU HỒI CHI PHÍ VỐN

CÁC QUAN HỆ TOÁN HỌC

71

- **MV = GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG**
[\$200,000]
- **r = TỈ LỆ CHỊU THUẾ**
[0.80]
- **AV = GIÁ TRỊ CHỊU THUẾ**
- **MV x r = AV**
[\$200,000 X 0.80 = \$160,000]
- **t_a = THUẾ SUẤT DANH NGHĨA**
[10 mill, .010, 1.0%]
- **AV x t_a = T (THUẾ)**
[\$160,000 x .01 = \$1,600]
- **t_e = THUẾ SUẤT HIỆU DỤNG**
- **r x t_a = t_e**
[0.80 X .01 = 0.008 = 0.8%]
- **T/MV = t_e**
[\$1,600/\$200,000 = 0.008 = 0.8%]



ƯU ĐIỂM

Hiệu quả kinh tế:

- KHÓ TRÁNH THUẾ MỘT CÁCH HỢP PHÁP
- HỖ TRỢ SỰ TỰ CHỦ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Công bằng xã hội:

- HÌNH THỨC THỂ HIỆN CỦA THUẾ THU NHẬP
- TƯƠNG QUAN VỚI LỢI ÍCH NHẬN ĐƯỢC
- NHÌN CHUNG CÓ TÍNH LŨY TIẾN

Tạo nguồn thu ròng:

- CỖ MÁY TẠO NGUỒN THU TIỀM NĂNG
- TƯƠNG ĐỐI ỔN ĐỊNH
- CÓ THỂ CƯỜNG CHẾ

NHƯỢC ĐIỂM

74

Hiệu quả kinh tế:

- TÁC ĐỘNG QUYẾT ĐỊNH PHÂN BỐ NGUỒN LỰC DÀI HẠN

Công bằng xã hội:

- KHÔNG CÓ QUAN HỆ TRỰC TIẾP VỚI KHẢ NĂNG NỘP THUẾ
- CÓ THỂ LÀM TĂNG CÁCH BIỆT GIÀU NGHÈO GIỮA CÁC VÙNG

Tạo nguồn thu ròng:

- NHIỀU ĐỐI TƯỢNG PHẢI NỘP THUẾ THEO LUẬT ĐỊNH
- TÍNH HIỂN HIỆN CAO
- ĐỊNH GIÁ MỘT CÁCH CHỦ QUAN
- ĐE DỌA ĐẾN TÍNH BẤT KHẢ XÂM PHẠM THIÊN LIÊNNG CỦA TÀI SẢN CÁ NHÂN